



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THUY ANH

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP **2**

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



QUY ƯỚC VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
HĐ	Hoạt động
SHDC	Sinh hoạt dưới cờ
HĐGDTCD	Hoạt động giáo dục theo chủ đề
HĐSGH	Hoạt động sau giờ học
SHL	Sinh hoạt lớp
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên



MỤC LỤC

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

5

I – GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA

5

1. Quan điểm biên soạn 5
2. Những điểm nổi bật đáng chú ý, tạo được sự khác biệt cho SGK HĐTN2 10

II – PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SGK, CẤU TRÚC MỘT CHỦ ĐỀ VÀ CẤU TRÚC MỘT TUẦN HĐTN

12

1. Cấu trúc SGK HĐTN 2 12
2. Cấu trúc một chủ đề trải nghiệm được thể hiện trong SGK HĐTN 2 17
3. Cấu trúc một tuần trải nghiệm 17

III – PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN TRIỂN KHAI CÁC HĐTN LỚP 2

22

1. Các yêu cầu cơ bản về phương pháp tiến hành các HĐTN 22
2. Phương tiện tổ chức các HĐTN lớp 2 22

IV – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HĐTN

30

1. Bản chất của việc kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của HS thông qua HĐTN 30
2. Đánh giá HĐTN từ góc độ học sinh 32
3. Đánh giá từ góc độ giáo viên 34
4. Đánh giá từ góc độ phụ huynh HS, người thân 37
5. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 38

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VỚI BA LOẠI HÌNH ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG SGK

43

I – QUY TRÌNH HĐTN

43

1. Quy trình Sinh hoạt dưới cờ

43

2. Quy trình Hoạt động giáo dục theo Chủ đề

44

3. Quy trình Sinh hoạt lớp

45

II – GIỚI THIỆU MỘT SỐ KỸ THUẬT TỔ CHỨC HĐTN LỚP 2

45

1. Kỹ thuật hướng dẫn làm việc nhóm

45

2. Kỹ thuật quản lý lớp học

45

3. Kỹ thuật giao nhiệm vụ

47

4. Kỹ thuật phản hồi của phản hồi

47

5. Một số lưu ý đối với GV khi tiến hành tổ chức HĐTN lớp 2

48

I – GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA

1. Quan điểm biên soạn

1.1. Thể hiện rõ bản chất và đặc trưng của HĐTN

Nhóm tác giả bám sát cách hiểu về hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông: Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN HN) là hoạt động giáo dục do NHÀ GIÁO DỤC định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện. Hoạt động này tạo cơ hội cho HS TIẾP CẬN THỰC TẾ, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; từ đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới, góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. (Trích Chương trình GDPT 2018)

Từ đó, trong mỗi hoạt động trải nghiệm, các tác giả chú trọng các thời điểm sau:

- *Thời điểm 1:* HS được gợi lại những kinh nghiệm cũ, kiến thức đã có, cảm xúc đã từng trải qua để tạo động lực tiếp cận vấn đề thực tế mới, tham gia trải nghiệm;
- *Thời điểm 2:* HS tham gia tiến hành việc trải nghiệm trên lớp, ở trường dưới sự gợi ý, hướng dẫn của GV: thực hiện nhiệm vụ thực tế, trực tiếp tiếp xúc với sự vật, sự việc có thật, vận dụng các giác quan và vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng cũ để giải quyết vấn đề;
- *Thời điểm 3:* HS chia sẻ những thu hoạch của mình sau trải nghiệm để từ đó cùng GV khái quát hoá những gì mình trải nghiệm thành kiến thức mới (những “bí kíp”, cách làm), thể nghiệm các cảm xúc mới, từ đó tạo động lực hành động thực tế ngoài nhà trường;
- *Thời điểm 4:* HS vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống cá nhân và cộng đồng với sự hỗ trợ của phụ huynh, ở mức cao hơn: lôi cuốn phụ huynh, người thân, cộng đồng (hàng xóm, người quen) cùng tham gia các hoạt động của mình.

1.2. Phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh

- Về phẩm chất, tập trung xây dựng các HĐTN tạo điều kiện hình thành và phát triển các phẩm chất: Yêu nước; Lòng nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm.

- Về năng lực, những năng lực chung được nhấn mạnh ở Chương trình tổng thể như năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Với HS lớp 2, những năng lực này được thể hiện cụ thể ở năng lực thích ứng với cuộc sống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động. Điều này được thể hiện ở các hình thức hoạt động đa dạng. Đó là:
 - + **Trò chơi** có thể xuất hiện ở 3 thời điểm đầu của HĐTN: trò chơi để khởi động, gợi nhớ lại kinh nghiệm cũ; trò chơi để cùng khám phá chủ đề; trò chơi để củng cố, mở rộng và khái quát kĩ năng mới.
 - + **Hành động, nhiệm vụ cụ thể** là một chuỗi những hành động, việc làm như quan sát; viết; vẽ; lên kế hoạch; đánh giá việc thực hiện kế hoạch; kể chuyện; đọc thơ; làm đồ thủ công; dọn dẹp; chăm sóc trường lớp, gia đình; tìm hiểu; phỏng vấn; sưu tầm;...
 - + **Thảo luận, chia sẻ** là hoạt động không thể thiếu trong HĐTN, cũng có thể xuất hiện ở tất cả các thời điểm của HĐTN, kể cả hoạt động sau giờ lên lớp, ở nhà,... Thảo luận giúp HS rèn kĩ năng đặt câu hỏi, lắng nghe, ghi nhớ, nói, trình bày, thuyết phục, làm việc nhóm,...
 - + **Hoạt động sau giờ học** được thực hiện cùng bạn bè, bạn cùng trường, bạn hàng xóm, cùng gia đình, người thân, cộng đồng; là thời điểm “Ứng dụng” của HĐTN. Những HĐ này vô cùng phong phú và luôn mang lại nhiều thu hoạch mới về kĩ năng, cảm xúc, kiến thức cho HS.

1.3. Bám sát nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

- Bám sát nội dung Chương trình giáo dục phổ thông của Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT – BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018; bám sát từng yêu cầu cần đạt trong Chương trình và chú trọng đến mục tiêu hình thành và rèn luyện năng lực, kĩ năng được Chương trình đề ra.

Nhóm tác giả cũng bám sát cách phân chia thời lượng tiết HĐTN ở lớp 2, hoàn toàn khớp với hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

Một năm học có 105 tiết HĐTN theo Chương trình:

- + 35 tiết Sinh hoạt dưới cờ (SHDC) – nhóm lớn, quy mô trường.
- + 35 tiết Hoạt động giáo dục theo chủ đề (HĐGDTCD) – nhóm lớn, quy mô lớp học.
- + 35 tiết Sinh hoạt lớp (SHL).

Loại hình HĐTN theo các Câu lạc bộ HS (CLB HS) với quy mô lớp học, nhóm lớp học, được tiến hành linh hoạt tùy theo điều kiện mỗi trường và là hoạt động ngoài giờ. Vì thế, nhóm tác giả không đưa nội dung này vào SGK mà mô tả, hướng dẫn triển khai trong SGV.

- Các tác giả đã cụ thể hoá nội dung yêu cầu cần đạt của Chương trình; phát triển nội hàm của yêu cầu nhưng cố gắng thể hiện sự sáng tạo của người biên soạn sách HĐTN ở chỗ: tìm được những khía cạnh khác nhau của cuộc sống thực tế, những vấn đề thực tế, những tình huống thực tế đòi hỏi HS phải có được kiến thức, thái độ, kĩ năng nhất định để ứng phó, giải quyết (ứng với mục tiêu cần đạt của Chương trình). Đây cũng là điểm khiến HĐTN không giống với các hoạt động dạy kĩ năng sống dù nhìn thoáng qua chúng rất giống nhau.

Ví dụ 1: Nội dung “công việc tự phục vụ” bao gồm cả những công việc đơn giản, vừa sức trong sinh hoạt mà HS có thể tự làm hằng ngày: vệ sinh cá nhân và cả những việc HS chủ động thực hiện để bảo vệ sức khoẻ và sự an toàn của bản thân (uống đủ nước hằng ngày; sử dụng những dụng cụ bảo vệ sức khoẻ trước khói bụi, vi rút, vi khuẩn; xây dựng thói quen sống lành mạnh).

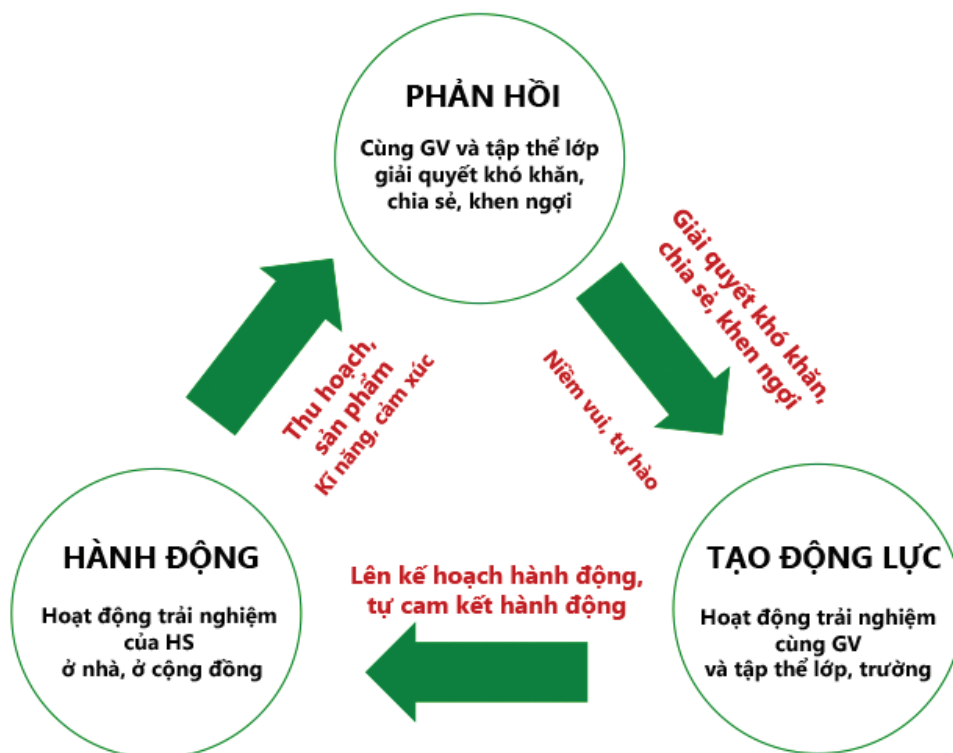
Ví dụ 2: Nội dung “thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân thông qua sản phẩm tự làm” không chỉ bao hàm những hoạt động rèn luyện tay khéo trực diện, làm thủ công mà còn thông qua những hoạt động trang trí nhà cửa, cùng bố mẹ tham gia chuẩn bị cho một ngày lễ dân gian, ngày Tết hoặc trình bày, trang trí món ăn,...

- Thông qua việc triển khai từng nội dung cụ thể của Chương trình, nhóm biên soạn sách còn cung cấp những thông điệp, kiến thức quan trọng cho HS Tiểu học trong quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của một HS thời đại mới. Ví dụ, những khái niệm sơ khởi về các loại hình sân khấu dân gian, các ngày lễ dân gian, ngày Tết, các phong tục, tập quán thú vị; các kiến thức về những cộng đồng yếm thế trong xã hội như người mù, người khiếm thị,...

1.4. Gắn với thực tiễn cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi

- Mỗi hoạt động, nhiệm vụ được đề xuất luôn tạo điều kiện cho HS tiếp cận thực tế cao nhất, từ đó mới nảy sinh tình huống thật chứ không giải quyết mọi việc trên tình huống giả định, trên tranh vẽ.
- Việc chuyển hoá kiến thức cũ, kĩ năng cũ, kinh nghiệm cũ thành kiến thức mới, kĩ năng mới, kinh nghiệm mới phải diễn ra sau khi HS đã tham gia trải nghiệm bằng các giác quan, vấp phải khó khăn cụ thể, giải quyết khó khăn ấy, có chia sẻ phản hồi, thảo luận với thầy cô và các bạn.
- Những kiến thức mới, kĩ năng mới cũng không áp đặt từ ý chí và kinh nghiệm của người biên soạn sách mà do thầy cô giáo dựa trên những gợi ý cơ bản của người biên soạn sách sẽ cùng HS khái quát, rút ra kết luận từ những trường hợp cụ thể, thực tế của HS với đặc điểm riêng biệt của từng địa phương.

1.5. Quan điểm tạo động lực để HS hào hứng tham gia HĐ do thầy cô hướng dẫn trên lớp, đồng thời sẵn sàng hành động thực tế, tích cực trải nghiệm cuộc sống bằng tất cả các giác quan. Điều này thể hiện ở nguyên lí cơ bản của việc thiết kế và tiến hành các HĐTN:



Với mỗi chủ đề hoạt động, HS:

HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP, Ở TRƯỜNG theo các tiết SHDC, HĐGDTCD cùng thầy cô và các bạn theo gợi ý trong sách – TẠO ĐỘNG LỰC, tạo sự quan tâm;

HÀNH ĐỘNG Ở NHÀ cùng bố mẹ theo gợi ý phần Cam kết hành động chính là HĐSGH – HÀNH ĐỘNG;

CHIA SẺ CẢM XÚC ở tiết SHL cuối tuần cùng thầy cô và các bạn – PHẢN HỒI.

Và chính quá trình PHẢN HỒI ấy lại TẠO ĐỘNG LỰC để HS không dừng HÀNH ĐỘNG mà vẫn tiếp tục thực hiện các hành động tích cực hơn, tự mình trải nghiệm, qua đó trau dồi các phẩm chất và năng lực của mình.

Quan điểm tạo động lực còn thể hiện ở việc:

- Đề cao *sự tham gia* của HS: Dùng hình thức kể chuyện tương tác, diễn kịch tương tác, đọc thơ tương tác có sự tham gia tích cực của HS; HS được quyền đưa ra ý kiến, nghĩ thêm tình tiết, nhân vật hoặc nội dung lời thoại; HS đọc thơ theo cách đọc – đáp với GV, kết hợp với động tác cơ thể;

- Các HĐ đề xuất dựa trên thực tế cuộc sống của HS: Các nhiệm vụ đều xoay quanh những thử thách từ cuộc sống thật của HS, những gì HS quan sát được và hành động trong thực tế cuộc sống cá nhân mình. Vì thế, ở mỗi một nhiệm vụ, HS sẽ có đáp án riêng chứ không giống nhau;
- Chú trọng *tính cá thể, khác biệt*: Ví dụ, mục HĐSGH trong SGK cũng là mục “Cam kết hành động” trong SGK – không giống với “Bài tập về nhà” hay “Hoạt động vận dụng” ở các môn học khác. HS sẽ được lựa chọn hành động khả thi, phù hợp với nhu cầu, mong muốn và điều kiện cá nhân, điều kiện gia đình mình, được toàn quyền lựa chọn thời gian và phương thức thực hiện. Quá trình “lựa chọn” ấy được GV định hướng và hỗ trợ.

1.6. Quan điểm “mở”

- Đây là quan điểm quan trọng, là đặc trưng của việc biên soạn SGK theo định hướng phát triển năng lực.
- *Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo, linh hoạt của GV* trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động tùy theo trình độ và đặc điểm khác biệt của HS, năng lực và sở trường của GV, phù hợp với điều kiện văn hoá, kinh tế, xã hội và yêu cầu giáo dục của vùng, miền, địa phương; phù hợp với thời lượng HĐ và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của nhà trường, lớp học. GV có thể linh hoạt thay đổi một phần hoặc thay thế một vài hoạt động trong tiết HĐTN dựa trên các quy trình được trình bày trong SGK.
- *Tạo điều kiện cho sự chủ động* của nhà trường: Nhà trường có thể linh hoạt lựa chọn các chủ đề khi đề xuất kế hoạch dạy học cả năm.
- Điều này thể hiện ở:
 - + Việc lựa chọn nội dung có tính bao quát cao, khả thi ở hầu hết các vùng miền;
 - + Việc đề xuất nhiều phương án HĐ để lựa chọn;
 - + Sự giản dị của những thiết bị, công cụ trải nghiệm dễ làm, dễ thiết kế, thân thiện với HS, hoàn toàn có thể thay thế bằng những vật phẩm có ý nghĩa tương đương tùy điều kiện địa phương: bìa, quả bóng gai, quả chuông, micro bằng bìa mô phỏng micro thật,...

1.7. Quan điểm tích hợp

Bản chất của HĐTN trong nhà trường là tạo cơ hội cho HS TIẾP CẬN THỰC TẾ, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao,... (trích Chương trình GDPT 2018). Vì thế, nhóm biên soạn có tham khảo nội dung giáo dục và yêu cầu cần đạt của các môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Hoạt động thể chất, Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật để HS có điều kiện vận dụng kiến thức, kĩ năng của các môn học đó trong hoạt động trải nghiệm ở tất cả các loại hình của HĐTN.

2. Những điểm nổi bật đáng chú ý, tạo được sự khác biệt cho SGK HĐTN 2

2.1. Chú trọng các việc làm cụ thể, thực tế, không nói chung chung, không học qua tranh ảnh, lí thuyết. Từ đó, những khó khăn nảy sinh cũng rất thực tế, mỗi HS, mỗi vùng miền, địa phương sẽ có vấn đề riêng của mình.

Ví dụ: Làm đèn lồng; thực hành sắp xếp đồ dùng học tập; tự lựa chọn quần áo, giày dép phù hợp cho hôm sau đến trường; tự chuẩn bị trang phục cho buổi biểu diễn thời trang,...

- Nhóm biên soạn có ý thức tạo sự kết nối lô gic với những nội dung hành động cụ thể đã soạn ở lớp 1. Ví dụ: Ở lớp 1, HS xây dựng cảm xúc với đồ dùng học tập của mình, rèn luyện kĩ năng quản lí đồ, không đánh mất đồ dùng học tập. Lớp 2, HS thực hiện chăm sóc đồ dùng học tập hằng ngày chứ không chỉ quản lí: cất bút đúng vào hộp bút, cất giấy vào bao đựng giấy, gọt bút chì khi bút bị cùn, lau dọn bàn học (Góc học tập của em). Tiếp theo, ở mức cao hơn, HS biết tự sắp xếp đồ dùng cá nhân mang theo trong các chuyến đi cùng tập thể, cùng gia đình (Hành trang lên đường). Ngoài ra, HS tạo được cảm xúc với những món đồ mình được bố mẹ, người thân tặng... Lớp 1, HS đã biết sơ qua về khái niệm rác thải, đã quan sát thùng rác của nhà mình. Lớp 2, HS được hướng dẫn đánh giá thực trạng môi trường xung quanh mình theo phiếu khảo sát về rác, nước, bụi.

2.2. Tính đa dạng trong các phương thức và phương pháp tổ chức HĐTN

- Các HĐ được thiết kế trong SGK không bị lặp lại đều đều. Các phương thức HĐTN được đưa vào sách một cách linh hoạt, gây được sự bất ngờ, tạo sự tò mò, thú vị, cảm hứng tham gia cho HS, tạo điều kiện tiếp cận thực tế cuộc sống ở mức cao nhất có thể. Đó là các phương thức:
 - + Phương thức thể nghiệm tương tác (biểu diễn, sân khấu hoá, diễn tương tác);
 - + Phương thức nghiên cứu, đo lường, thí nghiệm;
 - + Phương thức cống hiến – đóng góp sức mình vào các HĐ xã hội, có ảnh hưởng đến người xung quanh;
 - + Phương thức khám phá, tìm hiểu thực tế.
- Đối với đối tượng HS tiểu học, nhóm biên soạn đặc biệt nhấn mạnh việc thay đổi các hình thức hoạt động:
 - + Quan sát
 - + Dự đoán, đặt câu hỏi khám phá
 - + Thí nghiệm, thực nghiệm
 - + Thảo luận, phỏng vấn
 - + Kể chuyện, diễn tiểu phẩm, đọc thêm thông tin, đọc thơ tương tác

- + Vẽ tranh
 - + Viết hoặc vẽ một thông điệp
 - + Lập sơ đồ tư duy, làm ngôi sao thông tin
 - + Trò chơi giáo dục
 - + Sắm vai để xử lý tình huống
 - + Giao lưu nhân vật
 - + Suu tầm đồ vật, sưu tầm bài hát, câu ca dao
 - + Dự án chung của nhóm, của tổ
- Các hình thức thực hiện nhiệm vụ đưa ra cũng rất đa dạng: nhiệm vụ dành cho cá nhân; nhiệm vụ dành cho cặp đôi; nhiệm vụ dành cho hoạt động nhóm; nhiệm vụ dành cho cả lớp.

2.3. Hoạt động trải nghiệm luôn gắn với HĐ chia sẻ, phản hồi

- Đây là một trong những thời điểm không thể thiếu của quá trình HĐTN: những khó khăn nảy sinh khi thực hiện nhiệm vụ, thảo luận cách khắc phục, chia sẻ cảm xúc tích cực khi đã hoàn thành nhiệm vụ, chia sẻ những bài học kỹ năng được rút ra sau trải nghiệm. Quá trình phản hồi không chỉ là đánh giá kết quả HĐTN mà còn giúp HS tạo động lực tiếp tục hành động, hành động thật chứ không dừng lại ở hành động hình thức hoặc đối phó.
- Đa dạng hoá các hình thức nhận phản hồi và phản hồi của phản hồi; thu hoạch sản phẩm; cánh đánh giá và tự đánh giá: HS có thể chia sẻ theo cặp đôi, theo nhóm, tổ hoặc viết, vẽ vào những tờ bìa thu hoạch. HS cũng có thể tham gia trưng bày sản phẩm (triển lãm), làm các cuốn cẩm nang nhỏ, tờ rơi, vẽ các bức tranh, sơ đồ tư duy và trình bày trước lớp, viết nhật kí,...
- Với HS lớp 2, nhóm biên soạn đã đưa kỹ năng lập Sơ đồ tư duy vào HĐTN, bước đầu giúp HS thực hiện thao tác phân loại và rèn luyện tư duy khái quát. Trong SGK có đề xuất cách đánh giá và tự đánh giá HĐTN của cá nhân HS (dùng hình ảnh cây trải nghiệm với lá, hoa được dán thêm vào làm cây trải nghiệm đó sum sê, phong phú – là hồ sơ thu hoạch HĐTN của mỗi cá nhân) nhưng GV có thể đưa ra những hình thức đánh giá khác như thu thập vật báu cho hòm kho báu, thu thập ngôi sao cho bầu trời sao,...

2.4. Kết nối với gia đình

- Các HĐSGH được thiết kế tạo điều kiện kết nối HS với người thân trong gia đình: Từ việc quan sát người thân, làm một việc chăm sóc người thân, cùng người thân xem lại những tấm ảnh cũ, mượn ảnh trong album ảnh gia đình đến chia sẻ với các bạn với cảm xúc tự hào, chia sẻ về phản hồi từ bố mẹ, người thân khi mình làm được một việc nhà hay kể một câu chuyện vui, đánh dấu vào cuốn lịch những ngày đáng nhớ của

gia đình,... đến việc lên kế hoạch cho một HĐ chung của gia đình và thực hiện kế hoạch đó (đi chơi xa, tổng vệ sinh nhà cửa, cùng về thăm ông bà ngày cuối tuần,...).

- Sự phản hồi, chia sẻ của HS trên lớp; việc lắng ý kiến đánh giá về HĐTN của con từ phía bố mẹ tạo sự kết nối giữa GV và phụ huynh, giữa gia đình và nhà trường.

2.5. Kết nối với cộng đồng

- Nhiều chủ đề và các HĐTN được thiết kế trong SGK tạo điều kiện để HS kết nối với cộng đồng gần (hàng xóm láng giềng) và cộng đồng rộng hơn (các bạn HS vùng sâu vùng xa, vùng bị ảnh hưởng của bão lũ, các cộng đồng yếu thế trong xã hội).
- Những HĐ được thiết kế chú trọng việc giao lưu, quan sát, chia sẻ, đồng cảm với cộng đồng, tạo những ảnh hưởng nhất định với cộng đồng (nhắc nhở mọi người xung quanh bảo vệ môi trường; làm quen, kết nối với hàng xóm láng giềng, cùng tổng vệ sinh khu phố, làng xóm,...).

II – PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SGK, CẤU TRÚC MỘT CHỦ ĐỀ VÀ CẤU TRÚC MỘT TUẦN HĐTN

1. Cấu trúc sách giáo khoa HĐTN 2

- **Lời nói đầu:** Nhóm tác giả trình bày rõ ý nghĩa của từng mục nhỏ trong mỗi chủ đề của SGK để HS hiểu rõ nhiệm vụ của mình trong từng loại hình hoạt động (SHDC, SHGDTCD, SHL) và sẽ không ngạc nhiên nếu nội dung SHDC có thể thay đổi, không giống như mô tả trong SGK. Giọng văn giản dị nhưng tình cảm cũng sẽ tạo động lực cho HS tham gia các hoạt động của HĐTN 2.
- **Mục lục**
- **9 chủ đề trải nghiệm với 34 tuần hoạt động** là sự cụ thể hoá các mạch nội dung mà Chương trình quy định: Hoạt động hướng vào bản thân; hoạt động hướng đến xã hội; hoạt động hướng đến tự nhiên; hoạt động hướng nghiệp. Các mạch nội dung này được triển khai thành những chủ đề cụ thể, cân đối về thời lượng và thiết thực với HS lớp 2. Cách làm này tạo được mạch hoạt động mạch lạc, dễ theo dõi, vừa sức với HS khiến HS dễ nhớ thông điệp, dễ vận dụng các kĩ năng, kiến thức mới vào thực tế. Cách làm này cũng giúp nhà trường chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, điều chỉnh nội dung HĐTN sao cho phù hợp với nội dung giáo dục của nhà trường và địa phương ở từng thời điểm.
- **Tuần 35 là tuần diễn ra các hoạt động tổng kết năm học** dưới hình thức trò chơi lớn: Đây là điểm mới so với sách HĐTN 1. GV có thể tiến hành đánh giá kết quả trải nghiệm của HS thông qua HĐ này. Đây cũng là hoạt động được đề xuất để tạo động lực tiếp tục tham gia các HĐTN trong kì nghỉ hè và năm học sau. Dưới hình thức là trải nghiệm

tại lớp với chuyến đi của con tàu qua các hòn đảo, HS thể hiện lại những kĩ năng, kiến thức đã từng trải nghiệm, nhắc lại các “bí kíp” đã từng cùng thầy cô giáo khám quát.

- **Kế hoạch trải nghiệm mùa hè của HS:** Đây là điểm mới thứ hai so với SGK HĐTN1. Lớp 2, HS cần tăng cường rèn luyện kĩ năng lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch. HS lên kế hoạch cho việc trải nghiệm trong hè. GV cần thảo luận chung với cả lớp để HS có thể chỉnh sửa kế hoạch sao cho gần nhất với thực tế. Nội dung trải nghiệm hè bao gồm: đi, làm, đọc và quan tâm đến sự phát triển của cơ thể mình (chiều cao, cân nặng). Thực hiện kế hoạch này vào mùa hè, HS có cơ hội được chia sẻ phản hồi ở đầu năm học sau khiến việc hoà nhập với trường, lớp sau hè được diễn ra hiệu quả.
- **Bảng thuật ngữ:** Mục này nhằm sơ bộ giải thích cách hiểu những từ ngữ khó được sử dụng trong sách. HS hiểu sâu hơn qua cách dẫn dắt hoạt động của GV.

Nội dung các chủ đề trong SGK đảm bảo đủ 4 mạch nội dung được quy định trong Chương trình HĐTN 2

STT	Tên chủ đề / nội dung chi tiết	Mục tiêu
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN		
1	KHÁM PHÁ BẢN THÂN - Hình ảnh của em - Nụ cười thân thiện - Luyện tay cho khéo - Tay khéo, tay đảm - Vui Trung thu	- Nhận diện được hình ảnh thân thiện, luôn vui vẻ của bản thân. - Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân thông qua sản phẩm tự làm.
2	RÈN NẾP SỐNG - Góc học tập của em - Gọn gàng, ngăn nắp - Quý trọng đồng tiền	- Sắp xếp được đồ dùng sinh hoạt cá nhân ngăn nắp, gọn gàng. - Nhận biết đồng tiền được sử dụng trong trao đổi hàng hoá.
3	TỰ PHỤC VỤ BẢN THÂN - Em tự làm lấy việc của mình - Nghĩ nhanh, làm giỏi - Việc của mình không cần ai nhắc - Lựa chọn trang phục - Hành trang lên đường	- Kể được những việc cần làm để tự phục vụ bản thân. - Nêu được cách làm những việc đó. - Thực hiện được một số việc tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi.

STT	Tên chủ đề / nội dung chi tiết	Mục tiêu
4	TỰ CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ BẢN THÂN - Tự chăm sóc sức khoẻ bản thân - Những vật dụng bảo vệ em - Câu chuyện lạc đường - Phòng tránh bị bắt cóc	- Nhận biết được cách tự chăm sóc sức khoẻ bản thân. - Nhận biết được những tình huống có nguy cơ bị lạc, bị bắt cóc. - Thực hiện được những việc làm để tự chăm sóc, bảo vệ bản thân và phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG		
5	GIA ĐÌNH THÂN THƯƠNG - Người trong một nhà - Tết Nguyên đán - Ngày đáng nhớ của gia đình	- Làm được một số việc thể hiện sự quan tâm, chăm sóc và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. - Trao đổi được với người thân về một số hoạt động chung trong gia đình.
6	EM YÊU TRƯỜNG EM - Có bạn thật vui - Tìm sự trợ giúp để giữ gìn tình bạn - Trường học hạnh phúc - Biết ơn thầy cô	- Luôn yêu quý bạn và nói được những lời phù hợp khi giao tiếp với bạn. - Biết nhờ thầy cô, bạn bè hỗ trợ khi có bất hoà với bạn. - Thể hiện được lòng biết ơn thầy cô. - Thực hiện được một số việc để giữ gìn cảnh quan nhà trường.
7	CHIA SẺ CỘNG ĐỒNG - Những người bạn hàng xóm - Tôi luôn bên bạn - Chia sẻ khó khăn với người khuyết tật	- Làm quen và tạo được mối quan hệ thân thiện với các bạn hàng xóm. - Đồng cảm và chia sẻ được với những người gặp hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng. - Tham gia một số hoạt động hướng đến cộng đồng do nhà trường tổ chức.

STT	Tên chủ đề / nội dung chi tiết	Mục tiêu
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN		
8	MÔI TRƯỜNG QUANH EM – Cảnh đẹp quê em – Bảo vệ cảnh quan quê em – Giữ gìn vệ sinh môi trường – Lớp học xanh	– Giới thiệu được cảnh đẹp quê em. – Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống. – Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh môi trường xung quanh em. – Thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn vệ sinh môi trường ở nhà trường.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP		
9	EM TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP – Nghề của mẹ, nghề của cha – Nghề nào tính nấy – Lao động an toàn	– Tìm hiểu được công việc của bố mẹ hoặc người thân. – Nêu được một số đức tính của bố mẹ, người thân có liên quan đến nghề nghiệp của họ. – Biết cách sử dụng an toàn một số dụng cụ lao động quen thuộc.
TỔNG KẾT: Đón mùa hè trải nghiệm		

MỘT SỐ DIỄN GIẢI

Nội dung hoạt động được thiết kế theo logic: từ dáng vẻ bên ngoài đến lời nói, hành động:

- Thân thiện, vui vẻ ở cấp độ một là dáng vẻ bề ngoài dễ ưa, tác phong lịch sự, cởi mở khi giao tiếp; có ý thức về hình dáng bên ngoài của mình;
- Cấp độ hai của việc thể hiện và giữ gìn hình ảnh “thân thiện, vui vẻ” của bản thân là những việc làm cụ thể, chủ động hướng tới việc xây dựng phong cách ứng xử của mình sao cho tạo được cảm tình, ấn tượng tốt với người khác, biết tạo niềm vui cho mọi người.

Nội dung “Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận thông qua sản phẩm tự làm” có mạch tư duy tăng dần cấp độ khó của hoạt động:

- Cấp độ một, làm một việc, một sản phẩm thủ công để rèn sự khéo tay, cẩn thận;

- Cấp độ hai, làm việc nhà đòi hỏi sự khéo tay, cẩn thận;
- Cấp độ ba, cùng tham gia một số ngày lễ Tết để thể hiện sự khéo tay cẩn thận, đồng thời tích hợp việc chia sẻ về những giá trị truyền thống của dân tộc.

Nội dung “sắp xếp đồ dùng sinh hoạt cá nhân” được triển khai theo mạch:

- Cấp độ một, giữ góc học tập gọn gàng;
- Cấp độ hai, sắp xếp gọn gàng các góc sinh hoạt trong gia đình bao gồm việc giữ vệ sinh cá nhân, giường ngủ, chăn chiếu, giày dép,...
- Cấp độ ba, quản lý đồ đạc cá nhân khi sinh hoạt bên ngoài cùng bạn bè, gia đình, khi tham gia các hoạt động tập thể.

Loạt chủ đề về “công việc tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi” được sắp xếp theo mạch tăng dần cấp độ chủ động:

- Chăm sóc vệ bề ngoài của bản thân;
- Chủ động trong những tình huống đơn giản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của bản thân, đảm bảo an toàn trong hoạt động;
- Chủ động trong những tình huống bất ngờ cần đối phó;
- Biết thực hiện các hành động đơn giản hằng ngày, đảm bảo sức khỏe và sự an toàn của bản thân, có thói quen tự chăm lo đến sức đề kháng cơ thể bằng những việc làm đơn giản, vừa sức, phù hợp với lứa tuổi;
- Biết sử dụng các vật dụng để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của bản thân.

Nội dung “Thể hiện sự đồng cảm và chia sẻ với người gặp hoàn cảnh khó khăn” được triển khai từ lớp 1 và tiếp tục được thực hiện ở lớp 2:

- Cấp độ một, HS chủ động tìm hiểu và chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, gần gũi quanh mình như trong trường, lớp, trong thôn xóm, khu nhà;
- Cấp độ hai, HS được giới thiệu và khơi gợi để nghĩ đến những hoàn cảnh khó khăn xa hơn trong cộng đồng như các bạn nhỏ vùng bị thiên tai, lũ lụt, các bạn bị bệnh hiểm nghèo, các bạn nhỏ mồ côi,...
- Cấp độ ba, HS được dẫn dắt tìm hiểu và kết nối với cộng đồng người mù, người khiếm thị.

Hoạt động xây dựng sự đồng cảm với những khó khăn của người khuyết tật gần đây rất được xã hội, truyền thông chú ý tới. HS chia sẻ với một cộng đồng người khuyết tật, yếm thế trong xã hội nhưng không phải chỉ để thể hiện lòng trắc ẩn mà là để thấu hiểu, cảm phục và hỗ trợ họ với tấm lòng trong sáng, hồn nhiên, từ đó có thêm động lực học tập, lao động.

2. Cấu trúc một chủ đề trải nghiệm được thể hiện trong SGK HĐTN2

- **Tên chủ đề:** được tách ra từ bốn mạch nội dung lớn của Chương trình để dễ dàng đáp ứng linh hoạt các mục tiêu, yêu cầu cần đạt đề ra.
- **Mục tiêu:** được đưa ra cụ thể dựa theo yêu cầu cần đạt của các mạch nội dung mà chương trình quy định.
- **Các tuần hoạt động trải nghiệm** có nội dung đáp ứng mục tiêu đã đề ra.
- **Đánh giá kết quả HĐTN ở mức độ thường xuyên:** Những nội dung ở cuối một chủ đề trải nghiệm giúp HS tự nhận xét về hoạt động của mình: hoàn thành hay chưa hoàn thành, hoàn thành tốt. Hệ thống câu hỏi được đặt ở mức độ tăng dần độ thường xuyên của hoạt động: làm được một việc cụ thể; làm được nhiều công việc cụ thể; thường xuyên thực hiện hành động theo chủ đề hoặc ở mức cao hơn là lời cuốn được cộng đồng (bố mẹ, bạn bè, người thân, hàng xóm) cùng làm. Với thao tác đánh giá thường xuyên, HS được tạo điều kiện nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình, của nhóm, của các nhóm khác thông qua việc thực hiện dự án. Các góc độ đánh giá khác với các mức độ đánh giá thường xuyên, định kì từ phía GV và phụ huynh HS được trình bày cụ thể trong mục B của Phần Một, SGK.

3. Cấu trúc một tuần trải nghiệm

- **Tên tuần HĐTN cũng là chủ đề nhỏ:** Được ghi thống nhất ở trên cùng để có định hướng tốt cho nội dung xuyên suốt của ba loại hình HĐTN: SHDC, SHGDTCD, SHL.
- **Mục tiêu:** Trên thực tế, đây là yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề đã được cụ thể hoá, viết với văn phong đơn giản, dễ hiểu đối với HS lớp 2.
- **Nội dung SHDC** được các tác giả đề xuất theo chủ đề thống nhất để nhà trường và thầy, cô lựa chọn cho phù hợp với điều kiện và nội dung giáo dục của trường, của địa phương trong thời điểm đó. Nội dung này không bắt buộc, chỉ là gợi ý.
- **HĐGDTCD:** Trong mục này, các tác giả đã đề xuất nhiều dạng hoạt động phong phú, ứng với 4 thời điểm của HĐTN và cũng ứng với 4 bước:
 - + Khởi động (tương đương với mục Mở đầu trong các môn học): Thời điểm 1 của HĐTN, khi HS được gợi lại những kinh nghiệm cũ, kiến thức đã có, cảm xúc đã từng trải qua để tiếp cận vấn đề thực tế mới;
 - + Khám phá (tương đương với mục Kiến thức mới trong các môn học): Thời điểm 2 của HĐTN, khi HS dưới sự hướng dẫn của thầy, cô tiến hành một hoạt động trải nghiệm, thông qua các giác quan và các thao tác tư duy, HS khám phá những nội dung trải nghiệm mà chương trình đưa ra.
 - + Mở rộng và tổng kết (tương đương với mục Luyện tập trong các môn học): Thời điểm 3 của HĐTN, khi các thầy, cô mở rộng thêm tình huống, liên hệ thực tế

cá nhân của HS, cùng HS khái quát các kĩ năng mới, kiến thức mới, tìm ra các “bí kíp” hỗ trợ việc trải nghiệm theo chủ đề.

- + Cam kết hành động (Tương đương với mục Vận dụng trong các môn học, nhưng nội hàm không hoàn toàn giống nhau): Thời điểm 4 của HĐTN, khi HS sẵn sàng vận dụng những kĩ năng mới vào các HĐTN ngoài giờ lên lớp sau giờ học, cùng bạn bè, bố mẹ, người thân và cộng đồng. Ở mục này, HS lựa chọn, lên kế hoạch và tự cam kết thực hiện hành động.
- + Các tác giả không đưa hết các đề xuất của mình vào SGK HĐTN mà trình bày các đề xuất này ki lưỡng trong SGV để giữ được sự linh hoạt, độ “mở” sáng tạo cho GV dễ dàng thực hiện theo quyết định của mình. Vì vậy, trong mục HĐGDTCD của sách thường có 2 hoạt động với hình thức được lựa chọn trong số những hình thức HĐ sau: trò chơi, điệu nhảy, bài hát, câu đố, thảo luận, vẽ, kể chuyện, diễn tiểu phẩm, đọc thơ, thí nghiệm và cùng tiến hành những việc làm cụ thể khác. Trong SGV, 4 thời điểm của HĐTN được bám sát hơn và HĐ đưa ra phong phú hơn, nhưng cũng chỉ mang tính gợi ý chứ không áp đặt các thầy cô giáo. Qua đó, HS thực hiện được những mục tiêu mà chủ đề đưa ra, đồng thời trau dồi phẩm chất, rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

– **SHL:**

Ngoài hoạt động tổng kết tuần vẫn thường diễn ra trong các buổi SHL, HS sẽ tham gia hai hoạt động trải nghiệm khác:

- **Phản hồi:** Chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm cá nhân sau khi đã thực hiện các nhiệm vụ, hành động HS nhận từ tiết HĐGDTCD.
- **Hoạt động nhóm:** HS cùng các bạn trong nhóm, tổ hoặc cả lớp thực hiện một hoạt động chung ở trên lớp hoặc trong khuôn viên trường, vận dụng những kĩ năng mới, kiến thức mới đã được khái quát từ tiết trải nghiệm trước. Đó có thể là các việc: Cùng thực hiện một công việc chung xây dựng trường, lớp như quét sân, tưới cây, nhổ cỏ, dọn dẹp lớp, trang trí tủ sách, trang trí tấm biển ghi khẩu hiệu kêu gọi bảo vệ môi trường; Cùng chơi những trò chơi vận động, trò chơi dân gian để tạo cảm giác thư giãn, vui vẻ, thoải mái, gần gũi với tổ, với lớp hơn; Cùng nhau xây dựng kế hoạch thực hiện dự án – thường những dự án này sẽ được thực hiện ở một thời gian nhất định, không phải trong tiết trải nghiệm; Cùng nhau tập diễn kịch tương tác, đọc thơ tương tác, kể chuyện tương tác hoặc tập hát, múa, phân công nhau chuẩn bị cho các ngày hội của trường hoặc cho các buổi Sinh hoạt dưới cờ mà lớp mình được giao nhiệm vụ cùng các thầy cô dẫn dắt.
- **HĐSGH** sau HĐGDTCD và SHL: hỗ trợ HS tiếp tục hành động, khắc phục khó khăn từng gặp, phát huy thành công của HĐ trước để hành động đều đặn hơn, tạo cơ hội hành động trở thành thói quen, kĩ năng và lối sống tích cực của các em.

CHỦ ĐỀ

KHÁM PHÁ BẢN THÂN

Mục tiêu

- Nhận biết được hình ảnh thân thiện, vui vẻ của bản thân.
- Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân qua sản phẩm tự làm.

1

HÌNH ẢNH CỦA EM



Sinh hoạt dưới cờ

Tham gia lễ khai giảng năm học mới.



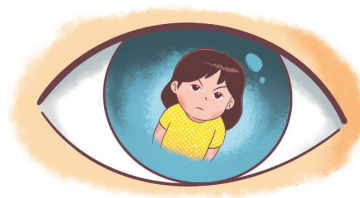
Hoạt động giáo dục theo chủ đề

1. Chơi trò *Máy ảnh thân thiện*.
– Hai bạn sắm vai chụp ảnh cho nhau.



5

– Thảo luận: Khi được chụp ảnh, gương mặt em thế nào?



2. Nhận biết hình ảnh thân thiện, tươi vui của em và các bạn.

- Nêu những biểu hiện thân thiện, tươi vui của các bạn trong tranh.
- Kể những biểu hiện thân thiện, tươi vui của các bạn khác mà em biết.
- Liên hệ những biểu hiện thân thiện, tươi vui của em và các bạn trong lớp.



Mắt nhìn nhau
và nở nụ cười



Chào hỏi
tươi vui



Khoác vai
thân thiện



Hoạt động sau giờ học

– Cùng người thân ngắm lại những bức ảnh vui vẻ của em.



– Chọn một tấm ảnh hoặc tranh vẽ thể hiện hình ảnh tươi vui, hài hước của em để tham gia triển lãm ảnh của tổ.



Sinh hoạt lớp

1. Triển lãm tranh, ảnh theo tổ.
 - Sắp xếp tranh, ảnh của tổ.
 - Giới thiệu tranh hoặc ảnh trong tổ.
 - Đại diện tổ giới thiệu triển lãm trước lớp.



2. Chụp một tấm ảnh làm kỉ niệm theo tổ.
 - Sắp xếp vị trí và tạo dáng thân thiện, vui vẻ.
 - Chụp ảnh.



Hoạt động sau giờ học

Thể hiện sự vui vẻ, thân thiện với các bạn và mọi người xung quanh.

Mắt nhìn ấm áp

Miệng nở nụ cười



Khoác vai thân thiện

Nói lời vui vui

III – PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN TRIỂN KHAI CÁC HĐTN LỚP 2

1. Các yêu cầu cơ bản về phương pháp tiến hành các HĐTN

Các phương pháp giáo dục trong HĐTN cần phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Giúp HS sẵn sàng tham gia trải nghiệm tích cực;
- Giúp HS suy nghĩ về những gì trải nghiệm;
- Giúp HS phát triển kỹ năng phân tích, khái quát hoá các kinh nghiệm có được;
- Tạo cơ hội cho HS có kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định dựa trên những tri thức và ý tưởng mới thu được từ trải nghiệm.

1.1. Sử dụng phương pháp tương tác tích cực, đa dạng, tập trung tạo động lực hành động ở từng HS, hỗ trợ hình thành các kỹ năng cần thiết trong quá trình tham gia trải nghiệm. HS có thể hoạt động cá nhân, hoạt động theo cặp đôi, hoạt động nhóm (theo tổ hoặc nhóm nhỏ - chia đôi tổ) và hoạt động chung cùng cả lớp.

1.2. Tổ chức môi trường sư phạm cho hoạt động trải nghiệm: Phương pháp tạo “khu vực tâm lý thoải mái” cho HS:

- Phòng học tốt nhất nên được kê lại theo hình chữ U hoặc hình tròn, tạo không gian hợp lý cho các HĐTN thông qua việc tương tác giữa thầy và trò, trò và trò. Tuy nhiên, nếu không có điều kiện kê lại bàn ghế, hoàn toàn vẫn có thể tạo được “khu vực tâm lý thoải mái” cho HS bằng cách dịch lùi các dãy ghế xuống để tạo không gian hoặc cho phép HS đứng xung quanh một chiếc bàn theo tổ.
- Trong khi HS làm việc nhóm, GV có thể đi đến từng tổ và ngồi xuống ngang tầm với HS để hỗ trợ.
- GV cần tìm nhiều phương án khác nhau cho hoạt động “Khởi động” – đây là bước quan trọng để tạo cảm xúc tích cực, tươi mới, mở đầu cho một chủ đề trải nghiệm mới.
- Dùng phương tiện Bóng gai tương tác như một cách xóa mờ khoảng cách giữa GV và HS, tạo cảm giác trò chơi, không áp lực.

1.3. GV cần nắm vững một số kỹ thuật quan trọng trong hoạt động: Kỹ thuật đặt câu hỏi thảo luận, kỹ thuật kiểm soát tập thể lớp, kỹ thuật phản hồi và nhận phản hồi...

2. Phương tiện tổ chức các HĐTN lớp 2

2.1. Phương tiện tối thiểu để HĐTN

Theo quy định của Chương trình và Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 03/11/2020 về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, phương tiện tối thiểu để HĐTN cần có như sau:

- Loa đài, âm thanh, micro dành cho các HĐTN có quy mô trường và khối lớp trong các tiết Sinh hoạt dưới cờ, các ngày hội liên khối, toàn trường.

- Bộ thẻ Mệnh giá tiền Việt Nam dùng để thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua bán hàng hoá – sử dụng chung với môn Tự nhiên và Xã hội. Bộ thẻ minh hoạ những nét cơ bản của đồng tiền Việt Nam, không in ảnh Bác Hồ, in màu trên nhựa (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng. Gồm các mệnh giá: 1.000 đồng: 5 thẻ, 2.000 đồng: 5 thẻ, 5.000 đồng: 5 thẻ, 10.000 đồng: 5 thẻ, 20.000 đồng: 3 thẻ, 50.000 đồng: 3 thẻ, 100.000 đồng: 2 thẻ, 200.000 đồng: 1 thẻ và 500.000 đồng: 1 thẻ. Kích thước các thẻ là (40 × 90)mm. Số lượng: mỗi nhóm 4 – 6 HS dùng một bộ.
- Một bộ tranh gồm 6 tờ tranh rời minh hoạ: ông, bà, bố, mẹ, con trai, con gái dùng cho nội dung thể hiện sự quan tâm, chăm sóc người thân – sử dụng chung với môn Tự nhiên và Xã hội. Kích thước mỗi tranh (148 × 210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ (hoặc in màu trên nhựa). Số lượng: mỗi nhóm 4 – 6 HS dùng một bộ.
- Một bộ tranh dùng để nhận biết và làm quen với các nghề nghiệp khác nhau – sử dụng chung với môn Tự nhiên và Xã hội. Bộ tranh gồm 20 tờ tranh rời minh hoạ các nghề: 2 tranh về nông dân (chăn nuôi, trồng trọt); 3 tranh về công nhân (xây dựng, thợ hàn, trong nhà máy dệt); 3 tranh về nghề thủ công (nghề gốm, đan lát mây tre, dệt thổ cẩm); 3 tranh về buôn bán (bán hàng ở chợ, siêu thị, thu ngân ở siêu thị); 1 tranh về công nhân làm vệ sinh môi trường; 2 tranh về lái xe (taxi, xe ôm); 1 tranh về thợ may; 1 tranh về đầu bếp; 1 tranh về giáo viên; 1 tranh về bác sĩ; 1 tranh về công an; 1 tranh về bộ đội. Kích thước mỗi tranh (148 × 210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ (hoặc in màu trên nhựa). Số lượng: mỗi nhóm 4 – 6 HS dùng một bộ.
- Bộ tranh / thẻ rời dùng trong nội dung giáo dục về tình bạn – sử dụng chung với môn Đạo đức. Số lượng: mỗi nhóm 4 – 6 HS dùng một bộ. Bộ tranh / thẻ có kích thước (290 × 210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ (hoặc in màu trên nhựa). Bộ tranh/thẻ gồm 10 tờ, minh hoạ các nội dung:
 - + Nhóm bạn cùng chơi vui vẻ dưới gốc cây.
 - + Đỡ bạn dậy khi bạn bị ngã.
 - + Cho bạn cùng xem sách trong giờ ra chơi.
 - + Các nhóm bạn đang làm việc nhóm trong giờ hoạt động chiều.
 - + Chào bạn khi gặp bạn trên đường đến trường.
 - + Khen ngợi khi bạn được giấy khen.
 - + Một nhóm bạn đang đứng trước hòm quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt.
 - + Hình ảnh một bạn nhỏ xin lỗi khi va vào một bạn khác khi đi trên hành lang.
 - + Giúp đỡ bạn khi bạn chưa hiểu bài.
 - + Đẩy xe lăn giúp bạn.

- Video / clip hình ảnh thực tế dùng cho nội dung giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước – sử dụng chung với môn Đạo đức. Yêu cầu: độ phân giải HD (tối thiểu 1280×720), âm thanh rõ; hình ảnh đẹp, sinh động; phụ đề và thuyết minh bằng tiếng Việt phổ thông; thời lượng không quá 2 phút; minh hoạ cảnh đẹp tiêu biểu của quê hương Việt Nam ở miền núi, đồng bằng, miền Bắc, miền Nam; Số lượng: mỗi GV 1 bộ.
- Bộ công cụ lao động giúp HS trải nghiệm với lao động:
 - + Bộ dụng cụ làm vệ sinh trường học (mỗi trường 5 bộ), bao gồm: chổi rế loại nhỏ; Ki (xẻng) hót rác có cán bằng nhựa; găng tay lao động loại nhỏ phù hợp với học sinh, khẩu trang y tế loại nhỏ.
 - + Bộ công cụ làm vệ sinh lớp học (mỗi lớp 2 bộ), bao gồm: chổi đót loại nhỏ; khăn lau; ki (xẻng) hót rác có cán bằng nhựa; khẩu trang y tế loại nhỏ; giỏ đựng rác bằng nhựa có quai xách.
 - + Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây trồng thông thường (mỗi trường 5 bộ), bao gồm: xẻng, chĩa ba bằng nhựa; bình tưới cây 4 lít bằng nhựa; kéo cắt cành.

2.2. Phương tiện hỗ trợ HĐTN trong khuôn khổ một lớp học theo đề xuất của nhóm tác giả:

- Phương tiện kĩ thuật hỗ trợ HĐTN chung của tập thể lớp: loa phát nhạc cỡ nhỏ; USB; micro gài cho GV.
- Bóng gai (còn gọi là Quả bóng tương tác):  = 
 - + Đây là quả bóng có nhiều gai mềm, được bơm vừa phải, vừa tay các em nhỏ, nhẹ và không trơn trượt, đảm bảo việc tung và bắt bóng được thuận lợi, trẻ không bắt trượt. Bóng gai có tác dụng khuyến khích tương tác và kích thích sự động não, giúp trẻ nghĩ nhanh, dám nói theo từ khoá. Thay cho việc gọi tên HS, GV sẽ tung bóng để HS bắt. HS bắt bóng để thể hiện yêu cầu hoạt động. Việc này giúp giảm bớt áp lực tâm lí cho HS khi phải đưa ra câu trả lời vì quả bóng gợi đến hoạt động trò chơi, đồng thời cũng là cơ hội để HS luyện phản ứng nhanh.
 - + Trong trường hợp không có bóng gai hoặc quả bóng nói chung, GV có thể thay thế bóng bằng giấy báo cũ vo tròn, dán băng dính.
- Thẻ từ (thẻ chữ): là những tấm thẻ bằng bìa nhiều màu, cỡ 9×21 cm (1/3 tờ A4), giúp HS ghi nhớ một khái niệm hoặc kĩ năng mới. HS không nhất thiết biết đọc mà nhận biết nội dung thẻ từ nhờ sự hỗ trợ của GV và dẫn ghi nhớ theo dạng “chụp ảnh” mỗi khi nhìn lại thẻ từ ấy trong thời gian dài sau đó.
- Vòng tay nhắc việc: là những băng giấy bằng giấy màu dài khoảng 20 cm, một đầu dán băng dính hai mặt, trên đó ghi lại nhiệm vụ HS sẽ phải thực hiện ở nhà.



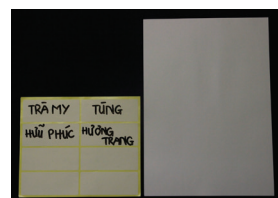
Cách sử dụng: Sau khi lựa chọn nhiệm vụ (ví dụ: quan sát ai, quan sát cái gì,...), HS ghi lên vòng giấy một biểu tượng mình tự nghĩ ra để ghi nhớ nhiệm vụ, đeo vòng vào cổ tay mình. Đây là cách giao bài tập vui nhộn, tạo hiệu ứng cảm xúc tích cực cho buổi trải nghiệm.

- *Tờ bìa thu hoạch:* là những mẫu bìa hoặc giấy màu cắt theo những hình thù nhất định (ví dụ: ngôi sao, đám mây, bông hoa, hình chữ nhật, tam giác, trái tim,...), có tác dụng tạo hứng thú cho HS khi thực hiện HĐTN bên ngoài lớp học.

Cách sử dụng: GV phát cho HS cuối các tiết HĐTN để HS viết, vẽ hoặc ghi trên đó các kết quả thu được qua HĐTN ở nhà hoặc ngoài lớp học.

- *Sticker (Xờ-tích-cơ):* Sticker hiện nay đã là sản phẩm văn phòng phẩm quen thuộc với người dân cả nước, có thể dễ dàng mua được ở các hiệu sách, ở chợ,... Đó là những mẫu đề-can bằng giấy, bìa, đằng sau có băng dính hai mặt để nhanh chóng dán vào những nơi cần thiết. Có hai loại sticker:

- + “Sticker tên” là mẫu đề-can đủ để ghi tên HS dán lên ngực áo mỗi khi sinh hoạt ngoài trời, đi trải nghiệm, dã ngoại. “Sticker tên” giúp GV nhanh chóng gọi tên HS, đồng thời cũng cho HS cảm giác kỉ luật hơn khi mình là một thành viên của tập thể trải nghiệm. Trong trường hợp không có sticker, GV có thể tự làm những mẫu giấy dán bằng dính hoặc băng dính hai mặt đằng sau.



- + “Sticker quà tặng” là những miếng đề-can nhỏ có nhiều hình thù khác nhau, được dùng làm phần thưởng để khích lệ HS. Trong hệ thống quà tặng, sticker có thể được thay bằng dấu gỗ. Mỗi HS có một cuốn sổ hoặc vở dành cho HĐTN, lưu giữ lại sticker hoặc dấu đó. Thậm chí, sticker hay con dấu cũng có thể thay thế bằng mẫu giấy cắt hình bông hoa, ngôi sao hoặc GV dùng bút vẽ bông hoa tặng HS.



- + Trong các HĐTCD trên lớp, HS thu hoạch sticker cá nhân hoặc thu hoạch theo nhóm. GV có thể có quà khích lệ cho nhóm hoặc cá nhân có nhiều sticker (dấu) trong một tiết HĐTN hoặc sau một chặng đường (một tuần, một tháng – tùy theo thoả thuận của GV với lớp; nhưng lưu ý không để thời gian quá dài, nhiều nhất là một tháng).

- Quà chuông: Một quả chuông nhỏ, tiếng chuông dùng để thay khẩu lệnh của GV, hỗ trợ kiểm soát lớp, đồng thời là cách hướng dẫn HS làm theo thoả thuận, giúp cho việc tiến hành HĐTN, đặc biệt là khi làm việc nhóm được đảm bảo thuận lợi theo đúng lịch trình thời gian đưa ra.



3. Một số phương pháp thường dùng trong TĐTN

3.1. Kể chuyện tương tác

- Trong hoạt động kể chuyện tương tác, GV là người dẫn chuyện. Trước khi kể, GV có thể giới thiệu trước những nhân vật sẽ xuất hiện trong câu chuyện để HS có thể hình dung sự phát triển của tình tiết và có khái niệm trước về nhân vật. GV có thể gợi ý để HS thể hiện bằng động tác cơ thể, bằng ngôn ngữ các nhân vật đó. (Ví dụ: Hôm nay, cô kể cho các em nghe câu chuyện về chiếc bánh nướng. Trong câu chuyện này, sẽ có hai ông bà rất là già... Già đến như thế nào nhỉ, cả lớp thử thể hiện ông bà già xem nào!)
- GV vừa kể vừa chỉ định một hoặc nhiều HS tham gia thể hiện nhân vật đó. GV đặt câu hỏi gợi ý để HS tham gia câu chuyện. (Ví dụ: Ai sẽ vào vai anh thỏ nhỉ? Cô mời ba bạn vào vai anh thỏ... Các anh thỏ sẽ đi đứng thế nào? Và khi nhìn thấy chiếc bánh, thỏ có thể nói gì? Liệu thỏ có thèm ăn bánh không? Vì sao thỏ lại thèm ăn bánh khi mà bình thường thỏ hay ăn cà rốt nhỉ?)
- GV có thể dừng lại để khai thác một chủ đề nhỏ liên quan đến câu chuyện. Ví dụ, khi kể câu chuyện về chiếc bánh nướng, GV hỏi: Ai trong lớp mình đã từng nhìn thấy mẹ nướng bánh? Để các em biết, để nướng được một cái bánh, cần có những thứ gì? Khi bánh nướng xong, màu của nó sẽ thế nào? Sẽ có mùi gì? Theo các em, nó sẽ có vị gì, mặn hay ngọt? ...
- Khi sử dụng hình thức kể chuyện tương tác, GV cần lưu ý:
 - + Nên có đồ dùng trực quan minh họa câu chuyện, nhưng không nhiều, chỉ đủ để tạo động lực, gây tò mò đối với HS. Dùng quá nhiều đạo cụ sẽ làm rối câu chuyện. Ví dụ, khi kể chuyện về cái bánh, GV có thể lựa chọn chỉ một trong những đạo cụ sau: Một cái bánh nướng thật; một ít bột để trong lọ hoặc túi; bức tranh vẽ hai ông bà già và chiếc bánh.
 - + Nên lựa chọn thời điểm dừng phù hợp để tương tác, đặt câu hỏi. Nếu đã dừng ở các nhân vật thì thôi không khai thác chủ đề nhỏ liên quan nữa; hoặc chỉ dừng ở một, hai nhân vật, với nhân vật thứ ba, GV kể luôn mà không đặt câu hỏi tương tác. Nếu chi tiết nào cũng dừng sẽ ảnh hưởng tới thời lượng hoạt động, đồng thời làm loãng câu chuyện, HS không theo dõi được mạch câu chuyện.
 - + Các câu hỏi đặt ra phải cụ thể, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu với HS lớp 2. Không hỏi những câu trừu tượng, chung chung hoặc quá khó. Ví dụ, thay vì hỏi “Câu chuyện này nói lên điều gì?” thì hỏi: “Theo em, bạn thỏ khi được bạn gấu mời vào nhà sẽ cảm thấy thế nào? Bạn gấu mời bạn thỏ ăn những món gì?”

3.2. Kể chuyện với kết cục mở

- Kể chuyện với kết cục mở là hình thức GV không kể hết toàn bộ câu chuyện mà chỉ kể đến nút thắt, mâu thuẫn xảy ra trong câu chuyện và dừng lại yêu cầu HS vận dụng

những kiến thức, kinh nghiệm đã có, phán đoán, xây dựng nốt phần kết của câu chuyện, sau đó kể trước lớp. Kể chuyện với kết cục mở có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực ngôn ngữ và giao tiếp cho HS.

- Đối với HĐTN, kể chuyện với kết cục mở về bản chất là một cách đặt ra tình huống liên quan đến chủ đề hoạt động, tạo động lực cho HS suy nghĩ và đưa ra phương án giải quyết vấn đề của mình.
- *Khi sử dụng phương thức kể chuyện với kết cục mở, GV cần lưu ý:*
 - + Nội dung truyện phải liên quan đến chủ đề trải nghiệm, có chứa đựng mâu thuẫn cần giải quyết và có nhiều cách khác nhau để giải quyết mâu thuẫn đó, mang lại cho buổi trải nghiệm một thông điệp khó quên.
 - + Phần kết của HS có thể khác nhau, bất ngờ và khác với phần kết đã chuẩn bị của GV. GV chấp nhận mọi phương án sáng tạo của HS, lấy đó làm đề tài để hỏi và thảo luận.
 - + Truyện không nên quá dài, thường chỉ là một tình huống, kể trong khoảng 2 – 3 phút.

3.3. Kịch tương tác tại chỗ

- Kịch tương tác là hình thức diễn một vở kịch, tiểu phẩm có GV dẫn chuyện và có sự tham gia thể hiện của HS – HS thể hiện bối cảnh và vào vai nhân vật theo lời kể của GV. Ví dụ, Khi GV kể về một ngôi nhà, một vài HS sẽ nắm tay nhau, thể hiện hình ảnh ngôi nhà ấy. GV kể về biển, một vài HS sẽ làm sóng biển.
- HS vào vai nhân vật theo sự phân công của GV có thể được đưa ra lời thoại của mình theo sự gợi ý của GV.
- Kịch tương tác còn có sự tham gia của khán giả (là HS) trong việc đưa ra cách giải quyết tình huống / mâu thuẫn phát sinh trong vở kịch. Khán giả cùng giao lưu, đối thoại với diễn viên (là một vài HS) và người dẫn chuyện (GV). Trong kịch tương tác không có sự ngăn cách giữa khán giả với diễn viên. Khán giả có thể đặt câu hỏi, nêu ý kiến, cho lời khuyên hoặc tham gia cùng diễn với diễn viên trong một vài cảnh, một vài đoạn của vở kịch.
- *Khi sử dụng kịch tương tác trong các HĐTN, GV cần lưu ý:*
 - + GV phải xây dựng kịch bản trước. Tình huống, mâu thuẫn đặt ra trong vở kịch phải là những tình huống phổ biến trong cuộc sống thực của HS lớp 2, phù hợp với mối quan tâm, trình độ nhận thức và khả năng tham gia của HS.
 - + GV giới thiệu với HS các nhân vật tham gia vào tiểu phẩm và nhận sự xưng phong vào vai của HS.
 - + GV thảo luận với tất cả các HS khác về phương án lời thoại và hành động của nhân vật; từ đó HS đảm nhiệm vai diễn đó sẽ đưa ra lựa chọn của mình, có thể giống hoặc không giống các bạn.

- + Kịch phải để mở kết cục và phải đặt ra nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết khác nhau để các “khán giả” HS có thể cùng tham gia giải quyết.
- + Người dẫn chương trình, người dẫn chuyện (là GV) phải chủ động lôi kéo sự tham gia của “khán giả” (là HS) bằng cách khéo léo đặt ra những câu hỏi, những giả định, những yêu cầu,... đối với người xem tại những thời điểm thích hợp. Tại những thời điểm này, người dẫn chương trình và các “diễn viên” phải chủ động nêu vấn đề, mời người xem tham gia ý kiến hoặc cùng diễn. Ví dụ: Theo các bạn, vì sao ... ? Nếu bạn là nhân vật chính, bạn sẽ làm gì?
- + Và kết thúc, bao giờ cũng có một câu hỏi tương tác dành cho người xem. Ví dụ, vở kịch “Chủ nhà” – câu hỏi tương tác dành cho người xem là: “Theo các bạn, chủ nhà đích thực phải như thế nào?” hoặc “Theo các bạn, phải làm gì để trở thành chủ nhà đích thực?”.
- + Mức độ tham gia của khán giả cần được nâng cao dần từ ít đến nhiều, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ chỉ cho ý kiến nhận xét, cho lời khuyên đến việc tham gia cùng diễn với diễn viên.
- + Người dẫn chương trình và các diễn viên cần tôn trọng những ý kiến, những lời khuyên, những giải pháp và sự tham gia diễn xuất của khán giả, dù hay, tốt hoặc chưa hay, chưa tốt.

3.4. Đọc thơ tương tác

Các bài thơ, đoạn thơ theo chủ đề cũng là ngữ liệu quan trọng có thể sử dụng trong các HĐTN, mang nhiều thông điệp tạo động lực hành động cho HS hoặc là các chỉ dẫn hướng dẫn HS hành động. Cách thông thường là GV đọc một câu, HS đọc câu trả lời. Cách thứ hai của phương pháp đọc thơ tương tác là mỗi nhóm lắng nghe GV đọc và thuộc truyền khẩu một đoạn (khổ) ngắn dưới bốn câu. Sau đó, cả lớp cùng đọc – các tổ lần lượt đọc các đoạn (khổ) thơ của mình, ghép lại thành một bài thơ trọn vẹn.

3.5. Trò chơi

- Để chuyển tải các nội dung giáo dục trong Chương trình HĐTN lớp 2, có thể tổ chức cho HS chơi nhiều trò chơi khác nhau trong các thời điểm khác nhau của một tiết trải nghiệm, bao gồm cả trò chơi phân vai, đố vui, trò chơi vận động, trò chơi phát triển tư duy, trò chơi dân gian.
- Khi sử dụng trò chơi, GV lưu ý:
 - + Trò chơi luôn mang một thông điệp cụ thể, hoặc là biểu tượng cho một khái niệm, một “bí kíp” hành động, chuyển tải một nội dung cụ thể trong HĐTN, kể cả khi trò chơi được sử dụng như một hoạt động khởi động.
 - + Có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp đôi, theo nhóm hoặc theo lớp, tùy theo nội dung hoạt động và điều kiện thời gian. Nhiều thời gian thì chơi theo nhóm, lớp. Ít thời gian thì chơi theo cặp đôi.

- + Có thể tổ chức cho HS chơi tại lớp học, sân trường, phòng đa năng,... tùy theo yêu cầu không gian hẹp hay rộng của từng trò chơi cụ thể.
- + Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với nội dung hoạt động; phù hợp với đặc điểm và trình độ HS; hợp với quỹ thời gian; với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS khi chơi.
- + GV phải chuẩn bị trước các đạo cụ trực quan, nếu cần.
- + GV phổ biến để HS nắm được quy tắc, luật chơi trước khi chơi và tôn trọng luật chơi; quy định rõ thời gian, địa điểm chơi.
- + Trò chơi phải được luân phiên theo tính chất tĩnh – động, thay đổi hợp lý để không gây nhàm chán cho HS.
- + Sau khi chơi, GV có thể đặt câu hỏi cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.
- + Luôn có phương án khen ngợi hoặc phần thưởng cho những người chiến thắng trong trò chơi, nhưng lưu ý động viên những người chưa chiến thắng bằng cách khen ngợi các kỹ năng cụ thể của HS trong khi chơi. Ví dụ: “Tổ 3 chiến thắng vì quan sát và ghi nhớ được nhiều sự vật nhất, nhưng tổ 2 lại vẽ các sự vật quan sát được rất đẹp và cẩn thận, còn tô màu nữa!”. Các phần thưởng, quà tặng nên tặng chung cho nhóm, số lượng đủ cho từng thành viên trong nhóm.

3.6. Sắm vai xử lý tình huống

Đây là hoạt động được sử dụng phổ biến trong HĐTN với tiết HĐGDTCD. Khi sử dụng phương pháp này, GV đưa ra tình huống mở thú vị dưới hình thức kể chuyện hoặc tiểu phẩm ngắn và dừng lại để HS vào vai xử lý tình huống (có nhiều nét tương đồng với diễn tiểu phẩm – kịch tương tác nhưng ngắn gọn và thay đổi nội dung nhiều hơn).

3.7. Giao lưu nhân vật

Giao lưu nhân vật là hình thức tổ chức gặp gỡ, trao đổi, trò chuyện giữa HS với khách mời / nhân vật được mời (có thể là HS cũ của trường, bộ đội, công an, cầu thủ bóng đá, diễn viên, họa sĩ, nhà văn, nhà thơ chuyên viết cho thiếu nhi, chính quyền địa phương hoặc chuyên gia về một lĩnh vực nào đó,...), nhằm tạo cơ hội cho HS được bày tỏ những băn khoăn, thắc mắc, những suy nghĩ của bản thân về một chủ đề giáo dục; được lắng nghe giải đáp thỏa đáng từ các khách mời; giúp các em có thêm những kiến thức, kỹ năng, cảm xúc cần thiết về chủ đề này, tạo động lực tìm hiểu thêm thông tin và động lực hành động.

3.8. Dự án tổ, dự án lớp

- Trong HĐTN, dự án được hiểu như là một phương thức tổ chức hoạt động trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ phức hợp, thực hành, thí nghiệm hoặc vận dụng những kiến

thức, kĩ năng đã học của các môn học vào cuộc sống thực tiễn. Nhiệm vụ này được HS thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình từ việc chọn đề tài, xác định mục đích, lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, cùng thực hiện dự án, đánh giá dự án.

- Với gợi ý của GV, mỗi tổ (hoặc cả lớp) cùng nhau thảo luận để đưa ra một dự án để tổ / lớp thực hiện vào giờ sinh hoạt lớp tuần sau hoặc ngoài giờ học và ở một không gian khác. Hoạt động này có thể được coi là hoạt động quan trọng của lớp nên GV cần nhắc để dành toàn bộ thời lượng giờ sinh hoạt lớp cho việc này (35 phút).
- Với HS lớp 2, GV cần hướng dẫn cách đánh giá kết quả thực hiện dự án theo 3 tiêu chí: chất lượng công việc (hoàn thành tốt, đúng kế hoạch); thái độ của các thành viên (đúng giờ, có trách nhiệm) và chất lượng làm việc nhóm (đoàn kết, hợp tác).

IV – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HĐTN

Căn cứ vào đặc trưng tính chất của hoạt động trải nghiệm và những quy định ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, những quy định của Chương trình về việc đánh giá kết quả HĐTN, nhóm tác giả xin lưu ý các thầy cô giáo những điểm chính sau trong việc đánh giá HĐTN của HS tiểu học nói chung và HS lớp 2 nói riêng:

1. Bản chất của việc kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của HS thông qua HĐTN

1.1. Mục đích đánh giá:

- *Đánh giá học sinh tiểu học* là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; diễn giải thông tin *định tính* hoặc *định lượng* về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh tiểu học (trích Thông tư 27).
- Thái độ của HS đối với HĐTN sẽ thay đổi dần theo quá trình trải nghiệm, sau những phản hồi, từ đó các phẩm chất và năng lực dần dần hình thành và củng cố. Mục tiêu của HĐTN và nhiệm vụ của GV là tạo động lực để HS tham gia trải nghiệm nhiều hơn, từ trải nghiệm cùng GV và tổ đội đến trải nghiệm cá nhân ở ngoài nhà trường, từ quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đến khi các thao tác, hoạt động trở thành kĩ năng, hành vi, thói quen và là nhu cầu của chính HS. Vì thế, việc đánh giá kết quả HĐTN bằng điểm số hoặc phân loại A, B, C có thể tạo động lực, cũng có thể làm mất động lực tham gia đối với các em, đặc biệt là những HS còn thụ động. Con số định tính với số lượng hoạt động trải nghiệm cũng chưa chắc đã cho kết quả đánh giá chính xác bởi có thể có những yếu tố khách quan ngăn cản quá trình trải nghiệm của HS. Ngoài ra, việc thống kê số lượng HĐTN có thể dẫn đến hiện tượng hình thức, chạy theo số lượng,

thành tích, từ đó không trung thực trong báo cáo. Vì thế, rất cần xác định bản chất của việc đánh giá HĐTN như sau:

- + Tạo động lực tham gia HĐTN cho HS;
- + Khuyến khích để các kĩ năng, hành động trở thành lối sống bền vững của HS;
- + HS tự hào về sự tham gia của mình, tự hào về từng thay đổi trong lối sống của mình;
- + Đánh giá hiệu quả của việc tổ chức HĐTN cho HS thông qua thái độ và mức độ tham gia của HS giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình tiến hành HĐTN; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

1.2. Nội dung đánh giá HĐTN của HS tiểu học nói chung và HS lớp 2 nói riêng:

- *Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình* thể hiện trong Mục tiêu của mỗi chủ đề. Các biểu hiện về các thành phần năng lực của HĐTN được cụ thể hoá trong Mục tự đánh giá sau chủ đề.
- *Đánh giá thường xuyên* bằng nhận xét, *đánh giá định kỳ bằng điểm số* thông qua HĐ chung của tổ (dự án) kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.
- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và mức độ tham gia HĐTN ngày càng tăng của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

1.3. Phương pháp đánh giá: Hoạt động đánh giá phải được tiến hành từ nhiều góc độ.

- Tự đánh giá của HS theo định lượng hành động với độ khó tăng dần và mức độ thường xuyên, lặp lại và theo định lượng của sản phẩm thu hoạch sau mỗi hoạt động, nhiệm vụ hoàn thành; nhóm HS tự đánh giá về mức độ tham gia, thái độ và chất lượng thực hiện dự án.

HĐ tự đánh giá giúp học sinh có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự giác trong các HĐTN và tự điều chỉnh thái độ, hành vi, kỹ năng trong quá trình hoạt động và chia sẻ, phản hồi về kết quả hoạt động, tăng cường rèn luyện kĩ năng giao tiếp, hợp tác

- Đánh giá của GV thông qua:

- + *Phương pháp quan sát*. Giáo viên theo dõi, lắng nghe học sinh trong quá trình tiến hành HĐGDTCĐ và SHL, sử dụng phiếu thu hoạch, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của học sinh để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình tham gia HĐTN cùng tập thể và HĐTN sau giờ học của cá nhân.

- + Phương pháp đánh giá qua hồ sơ trải nghiệm, các sản phẩm, hoạt động của học sinh.
- Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học sinh;
- GV đánh giá theo hoạt động chung, dự án chung của tổ, lớp về mức độ và thái độ tham gia, chất lượng hoàn thành công việc (đánh giá tập thể cũng là đánh giá cá nhân), từ đó đưa ra nhận xét về năng lực thích ứng cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động của nhóm, tổ và ở từng HS.
- + Phương pháp vấn đáp thông qua những phản hồi HĐTN trong các tiết Sinh hoạt lớp và qua việc đặt câu hỏi để HS chia sẻ theo từng nội dung trải nghiệm.
- + Đánh giá của phụ huynh và người thân thông qua số lượng hoạt động trải nghiệm chung của gia đình; thông qua nhận xét sự thay đổi tích cực lối sống của HS và cả gia đình. Điều này được nêu rõ trong thông tư 27 – việc cha mẹ học sinh tham gia đánh giá quá trình và kết quả HĐTN cũng chính là tạo động lực để gia đình đồng hành cùng HS trong các HĐ trải nghiệm sau giờ học, đồng thời khuyến khích việc phụ huynh tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

2. Đánh giá HĐTN từ góc độ HỌC SINH

2.1. HS tự đánh giá theo định lượng hoạt động

- Phương án Cây trải nghiệm 
- Tự đánh giá theo mục Tự đánh giá sau chủ đề trong SGK HĐTN 2 với 3 mức độ: Chưa hoàn thành, Hoàn thành và Hoàn thành tốt.
- Đánh giá sự tham gia trải nghiệm của HS theo mức độ khó dần hoặc thường xuyên của hoạt động. HS vẽ thân cây vào vở thu hoạch, sau đó cuối mỗi chủ đề, HS tự đánh giá HĐTN của mình và cắt hoa, lá dán lên cây. Nếu đã nắm được cách làm, bắt đầu thực hiện nhưng chưa thành công – HS tự vẽ 1 bông hoa . Nếu đã làm được một lần – hai bông hoa  . Nếu hành động được thực hiện tốt, thường xuyên, nhiều lần – chùm ba bông hoa   . Có thể bổ sung: những HĐ thực hiện cùng tập thể hoặc bố mẹ, người thân, hàng xóm – một chiếc lá .
- HS chia sẻ cảm giác tự hào về bản thân chứ không so sánh ai giỏi nhất, cây của ai sum sê hoa lá nhất.

2.2. HS tự đánh giá theo định lượng sản phẩm

Ngoài các thu hoạch vật báu thông qua việc trả lời các câu hỏi cuối tuần, HS có thể thu hoạch thêm vật báu theo gợi ý sau:

Thu hoạch sản phẩm	Đánh giá
Làm được một tờ bìa thu hoạch có ghi chép thông tin, thực hiện một thí nghiệm.	
Quan sát cảnh vật xung quanh, quan sát một người và ghi lại được những phát hiện thú vị.	
Tự tay làm được một sản phẩm thủ công.	
Tham gia một vở kịch, tiểu phẩm.	
Tham gia một câu chuyện tương tác.	
Tham gia trình diễn một bài thơ tương tác.	
Thu hoạch được một vật lưu lại từ các chuyến đi, đem đến lớp để chia sẻ như lá khô, bông hoa khô, viên sỏi, cành thông,...	
Vẽ được một bức tranh hoặc chụp ảnh.	
Ghi được tên địa điểm cả gia đình đã đến trên bản đồ cảm xúc.	
Tham gia một dự án chung của tổ, lớp và được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.	

2.3. HS tự đánh giá HĐTN theo nhóm về mức độ tham gia, thái độ và chất lượng của dự án chung.

HS tiến hành đánh giá kết quả dự án theo ba tiêu chí:

- Hoàn thành dự án hay chưa? 😊 😞
- Chất lượng công việc (tốt, sạch hay chưa tốt, cần cố gắng)? 👍 👎
- Thái độ của những thành viên tham gia: có trách nhiệm hay không (đúng giờ, mang đủ dụng cụ, đoàn kết và đồng thuận khi hành động)? ❤️ !

3. Đánh giá từ góc độ GIÁO VIÊN

3.1. Đánh giá thường xuyên.

- Đánh giá thông qua việc quan sát, ghi chép quá trình HĐTN của HS, thông qua các kết quả thu hoạch, sản phẩm của HĐTN và kết quả tự đánh giá của HS sau mỗi chủ đề. Việc đánh giá này bám sát yêu cầu cần đạt (mục tiêu) của chủ đề và đánh giá theo 3 mức độ: Chưa hoàn thành; Hoàn thành; Hoàn thành tốt.
- Đánh giá về HĐTN của HS thông qua những chia sẻ, phản hồi hành động trong các tiết Sinh hoạt lớp. Cách đặt câu hỏi dẫn dắt cho phần phản hồi, chia sẻ sau hoạt động:
 - + Em đã thực hiện hay chưa thực hiện hoạt động?
 - + Nếu chưa, lí do vì sao? Điều gì ngăn cản em? Em có thể nói ra để thầy cô và các bạn cùng tìm cách giúp em.
 - + Nếu đã làm rồi, em thấy làm việc đó có khó không? Khi thực hiện, em cảm thấy thế nào? Thực hiện rồi, em thấy có điều gì xảy ra? (Bố, mẹ, người thân, thầy cô, bác hàng xóm,... đã nói gì?)
 - + Em thấy có gì khó khăn và không hài lòng không?
 - + Em tự hào nhất về điều gì?
 - + Em khuyên các bạn khác điều gì khi thực hiện hoạt động này?

Lưu ý 1: HS có thể đưa ra nhận xét đồng đẳng thông qua việc trả lời câu hỏi: Em thích nhất điều gì ở tổ mình hoặc bạn cùng tổ? Em học được điều gì ở các bạn hoặc một bạn cùng tổ?

Lưu ý 2: GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ các cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực, nói ra chi tiết cách làm và cảm xúc của mình, kể được ra những khó khăn, bối rối của HS cần mọi người xung quanh cùng hỗ trợ, giải quyết. GV không phê phán những HS chưa thực hiện hoạt động hoặc chưa đạt kết quả như mong đợi. GV cần tỏ ra quan tâm đến những khó khăn mà HS nêu ra, gợi ý để các HS khác đưa ra lời khuyên và bày tỏ sự tin tưởng HS sẽ làm được.

3.2. Đánh giá định kì thông qua dự án và các hoạt động chung của tổ, lớp về mức độ và thái độ tham gia theo cách xếp loại A, B, C. Theo đó, kết quả xếp loại của tổ cũng là kết quả đánh giá dành cho mỗi cá nhân trong tổ.

Kết quả đánh giá định kì dùng để điều chỉnh nội dung và phương pháp tổ chức HĐTN của GV và để phát hiện điểm cần hỗ trợ ở từng HS.

Đánh giá theo tổ, nhóm	Thảo luận trên lớp	Làm việc nhóm	Hoàn thành nhiệm vụ dự án tự đề ra	Thái độ khi tham gia dự án
Điểm A	Tham gia thảo luận tích cực.	Thống nhất được với nhau về hoạt động dự án, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.	Dự án đưa ra được hoàn thành không thiếu mục nào.	Nhiệt tình, vui vẻ, đoàn kết, không cãi nhau.
Điểm B	Tham gia thảo luận chưa đều.	Chưa phân công được nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.	Dự án hoàn thành một phần.	Nhiệt tình, vui vẻ, đoàn kết, không cãi nhau.
Điểm C	Ít khi tham gia thảo luận.	Chưa phân công được nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.	Dự án hoàn thành một phần.	Không phải tất cả các thành viên đều tham gia; có tranh cãi mất đoàn kết.

3.3. Đánh giá tổng hợp: Nhận xét về năng lực thích ứng cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động ở từng HS thông qua HĐTN

- Nhận xét theo 3 mức độ: BIẾT → HIỂU → VẬN DỤNG
- Nhận xét của GV dành cho từng HS dựa trên tiêu chí rèn luyện hai năng lực: năng lực thích ứng với cuộc sống và năng lực thiết kế, tổ chức HĐ. Trong quá trình hoạt động, đặc biệt là khi muốn đánh giá sự tiến bộ của HS, GV có thể dùng những động từ phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HS. Xin tham khảo bảng sau:

NĂNG LỰC	ĐÁNH GIÁ		
	BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG
Năng lực thích ứng với cảm xúc	– Kể được (việc làm hằng ngày tự phục vụ bản thân và gia đình). – Nêu, nói được (điểm mạnh của bản thân; cảm xúc; suy nghĩ về những người xung quanh). – Nhận biết được (sở thích của mình và mọi người). – Nhận diện được (một số tình huống nguy hiểm).	– Trình bày được (nhu cầu cá nhân; những suy nghĩ của mình trước một vấn đề). – Mô tả được (cảm xúc của mình; một số thay đổi của cơ thể). – Giới thiệu được (về người thân; gia đình; bạn bè và thầy cô). – Chỉ ra được (sự khác biệt giữa cá nhân về thái độ, năng lực, sở thích,...).	– Vận động được (người thân tham gia bảo vệ môi trường; vứt rác đúng nơi quy định; tắt đèn trước khi ra khỏi phòng). – Thực hiện được (một số việc phù hợp với lứa tuổi). – Làm quen được (với bạn mới ở môi trường khác). – Lên kế hoạch được (cho một dự án,...). – Ứng phó được (với tình huống bất ngờ như trời đột ngột trở lạnh; bị lạc,...).
Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động	– Kể được (những việc định làm). – Nêu / nói được (việc mình có thể làm tốt nhất). – Nhận biết được (những khó khăn trong quá trình hoạt động).	– Trình bày được (kế hoạch hoạt động cá nhân, hoạt động của cả nhóm). – Mô tả được (hành động sẽ làm, công cụ để thực hiện hành động, các bước hành động). – Giới thiệu được (về ý nghĩa của hoạt động). – Thể hiện được (sự sẵn sàng hỗ trợ đồng đội trong HĐTN).	– Vận động được (các bạn trong nhóm tham gia hoạt động). – Thực hiện được (đúng kế hoạch đề ra). – Đề xuất được (các phương án giải quyết khi gặp khó khăn). – Ứng phó được (với căng thẳng, mâu thuẫn khi hoạt động nhóm).

4. Đánh giá từ góc độ phụ huynh HS, người thân

4.1. Phụ huynh HS đánh giá thông qua số lượng hoạt động trải nghiệm chung của gia đình

Ví dụ:

Địa điểm / hoạt động đã cùng con trải nghiệm	Thời gian trải nghiệm (Ngày / tháng / năm)	Cảm nhận của phụ huynh HS
1. Cùng con đến thăm người thầy cũ của bố hoặc mẹ.	20h00 ngày , tháng, năm ...	Rất vui vì ...
2. Cùng con đi mua thức ăn vào dịp cuối tuần.	9h00 sáng Chủ nhật, ngày, tháng, năm ...	– Con đã tự tính nhầm tiền phải trả, con đã ... – Bố mẹ cảm thấy ...
3. Cùng hàng xóm tổng vệ sinh thôn xóm.	9h00 sáng thứ Bảy ngày, tháng, năm ...	– Đã làm ... – Rất phấn khởi vì ... – Rất lo lắng vì ...
4. Cùng con lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch tổ chức mừng thọ bà nội.	19h00 ngày, tháng, năm ...	– Cả nhà đã ... – Cảm thấy
...		

4.2. Đánh giá thông qua nhận xét sự thay đổi tích cực lối sống của HS và cả gia đình

Bố mẹ, ông bà có thể gửi nhận xét cho thầy cô về các vấn đề sau:

Con làm việc nhà (Con nhận làm việc gì? Có thực hiện đều không?).

Ví dụ:

- Con giữ vệ sinh cá nhân (tắm, gội, rửa tay chân, đánh răng).
- Con chăm sóc cây cối trong vườn, trong nhà.
- Con sắp xếp đồ đạc cá nhân, góc học tập tại nhà.
- Cả nhà thường xuyên cùng nhau đi dã ngoại, đi ra ngoài thiên nhiên.
- Cả nhà biết giảm lượng rác thải bằng cách không dùng nhiều túi ni lông, đồ nhựa và cân nhắc khi vứt bỏ đồ cũ, mua thêm đồ mới.
- ...

PHIẾU VIỆC NHÀ

Họ và tên:

Học sinh lớp:

Việc nhà đã nhận	Đều đặn	Sạch, gọn, nhanh	Làm xong giặt giẻ lau	Thái độ vui vẻ
Lau bàn sau bữa cơm	✓	✓	✓	✓

Lưu ý:

- Càng nhiều HĐTN chung với cha mẹ, càng nhiều cảm nhận của cha mẹ, việc trải nghiệm của HS càng được coi là có chất lượng.
- Vòng tay nhắc việc và tờ bìa thu hoạch chính là một hình thức liên lạc giữa nhà trường và gia đình.
- Trong trường hợp phụ huynh HS ở vùng sâu vùng xa, không có điều kiện chia sẻ cảm xúc thì GV có thể đặt câu hỏi cho HS về sự tham gia của bố mẹ.

5. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN)

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

- Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, Nghị quyết số 44/NQCP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”, NXBGDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.
- Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng sau: Thứ nhất, nền tảng sách điện tử Hành trang số cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình SGK, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Song hành cùng Hành trang số, nền tảng Tập huấn trực tuyến hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bổ trợ và hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được cung cấp từ NXBGDVN xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục và GV sử dụng bộ SGK.
- NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng Hành trang số và Tập huấn như sau:

a) Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi dào

Trong năm 2021, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK chương trình mới. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên Hành trang số năm 2021 là hơn 10.000 học liệu, bao gồm lớp 1, lớp 2 và lớp 6 Chương trình SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2021.

b) Đảm bảo cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên sách dễ dàng, có tính ứng dụng cao

– Đối với nền tảng sách điện tử Hành trang số, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng Hành trang số và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

– Đối với nền tảng Tập huấn, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng Trải nghiệm ngay để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Người dùng có thể xem trực tiếp tài liệu trên nền tảng hoặc tải về máy để phục vụ mục đích học tập.

c) Hỗ trợ thường xuyên trong năm học

- Nhằm hỗ trợ tối đa các thầy cô giáo và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường dây hỗ trợ: 1900 4503 (08:00 – 17:00, từ thứ Hai đến thứ Sáu). Các câu hỏi liên quan tới nền tảng Tập huấn và Hành trang số, thầy cô giáo và HS có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts.aesgroup.edu.vn để được giải đáp.
- Ngoài ra, Hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi. Các Quý thầy cô có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

5.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

a) Giới thiệu về Hành trang số: hanhtrangso.nxbgd.vn

- Hành trang số là nền tảng Sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. Hành trang số cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK cũng như các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy của GV, học tập của HS.

- Hành trang số bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử, Luyện tập và Thư viện. Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, Hành trang số tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đánh kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra đánh giá một cách trực quan,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà. Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và SBT của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, SBT, Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống bài tập Tự kiểm tra – đánh giá bám sát chương trình SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.
- Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ chương trình SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: Video, Gif/ Hình ảnh, Âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú bài học. Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống Bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng Power Point với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, Hành trang số mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

b) Giới thiệu về Tập huấn: taphuan.nxbgd.vn

- Tập huấn là nền tảng Tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. Tập huấn cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm trong năm học.
- Việc cấp tài khoản trên Tập huấn được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: Sở GD&ĐT cấp tài khoản cho các Phòng GD&ĐT, Phòng GD&ĐT cấp tài khoản cho Nhà trường, Nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.
- Đối với tài khoản GV: Tính năng Tập huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: Power Point, PDF/ Word, Video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết học minh

hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy cô giáo truy cập bất kì thời điểm trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra – đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện Bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

- Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, Nhà trường): Tính năng Tài liệu bổ sung cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng Excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

c) Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

- Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của các bộ SGK với đa dạng định dạng và nội dung như: Video tiết học minh hoạ, Tài liệu tập huấn (PDF, Power Point, Word), Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, Bài kiểm tra – đánh giá, Video lớp học trực tuyến,... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm trong năm học.
- Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm 2 loại: (1) Tương tác một chiều: học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,... Hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...
- Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 12/2020, NXBGDVN đã đăng tải hơn 6.000 học liệu điện tử đối với 4 bộ SGK lớp 1, tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên Hành trang số là hơn 10.000 học liệu. Định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng Power Point và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị của bộ SGK. Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4.100 bài tập tương tác chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: Trắc nghiệm một đáp án đúng, Trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, Chọn Đúng – Sai, Điền câu trả lời vào ô trống, Câu điền từ vào chỗ trống, Nối hình, Select box, Tự luận.

- Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý bộ sách, tham vấn SGK, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

d) Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Các thầy cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, việc nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ mang đến hình ảnh trực quan nhằm thu hút sự chú ý của HS và nâng cao chất lượng bài giảng.
- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, SBT, Hành trang số cũng cung cấp bài tập Tự kiểm tra – đánh giá tại tính năng Luyện tập. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra – đánh giá trên lớp.
- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng slide Power Point song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được Hành trang số xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGK.
- Ngoài ra các thầy cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng Hành trang số kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,...

Như vậy, các thầy cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình soạn giáo án.

Phần hai

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VỚI BA LOẠI HÌNH ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG SGK

I – QUY TRÌNH HĐTN

1. Quy trình Sinh hoạt dưới cờ

1.1. Quy trình tiến hành tiết SHDC theo phương thức Trình diễn, thể nghiệm:

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
– Lựa chọn chủ đề và không gian sử dụng – Thiết kế kịch bản hoạt động – Chuẩn bị phương tiện hoạt động	– Dẫn dắt + Dẫn dắt tương tác. + Câu hỏi và nhiệm vụ – Biểu diễn tiểu phẩm + Diễn có tương tác + Đặt câu hỏi tương tác cho các lớp + Nhận đáp án, trao quà – Kết luận (5 phút)	Một cảm xúc, nhiều hành động: Gợi ý và nhận lời cam kết của các lớp theo chủ đề được nhắc đến trong tiểu phẩm.

1.2. Quy trình một tiết SHDC theo phương thức Giao lưu nhân vật

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
Chuẩn bị: GV: – Lựa chọn nhân vật. – Tìm hiểu về nhân vật. – Kịch bản. – Chuẩn bị quà tặng. HS: – Cung cấp thông tin. – Chuẩn bị câu hỏi. – Sổ và bút.	Đón khách: Nhóm lễ tân. Hoạt động giao lưu: – Khởi động – Câu chuyện của nhân vật – Phỏng vấn – Trò chơi cùng nhân vật – Trải nghiệm là nhân vật. Tổng kết: – Phản hồi tại chỗ: cảm xúc và lời cảm ơn. – Tặng quà.	Nhớ lại và nghĩ - Thông tin, thông điệp của chương trình Trích dẫn. Kể lại câu chuyện theo từ khóa trên thẻ từ. Cam kết và thực hiện hành động. Phản hồi gửi tới nhân vật.

1.3. Quy trình một tiết SHDC theo phương thức Festival, ngày hội

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
Chuẩn bị: Nhóm GV: – Lựa chọn hình thức hoạt động trên sân khấu chính: giao lưu với khách mời hoặc trình diễn. – Thiết kế các góc sinh hoạt theo chủ đề. – Kịch bản. – Chuẩn bị quà tặng. Các tập thể lớp: – Chuẩn bị trang trí và nội dung cho góc lớp mình được phân công. – Chuẩn bị tiết mục chia sẻ	Hoạt động góc: Tùy theo nội dung để có đủ góc hoạt động, sao cho lớp nào cũng có thể được tham gia. Hoạt động sân khấu chính: + Nếu lựa chọn giao lưu với khách mời thì quy trình thực hiện mục này theo QUY TRÌNH THEO PHƯƠNG THỨC GIAO LƯU NHÂN VẬT (a) + Nếu lựa chọn trình diễn tiểu phẩm tương tác hoặc biểu diễn văn nghệ, thơ... thì thực hiện theo QUY TRÌNH THEO PHƯƠNG THỨC TRÌNH DIỄN, THỂ NGHIỆM (b) Tổng kết chủ đề: – Phản hồi tại chỗ: cảm xúc và lời cảm ơn. – Tặng quà, trao phần thưởng.	Nhớ lại và nghĩ – Thông tin, thông điệp của chương trình Cam kết và thực hiện hành động – Đưa ra cam kết các hoạt động cụ thể của tập thể lớp mình hưởng ứng dự án trường.

2. Quy trình Hoạt động giáo dục theo Chủ đề

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
– Lựa chọn chủ đề và không gian sử dụng – Thiết kế kế hoạch hoạt động – Chuẩn bị phương tiện hoạt động	– Khởi động – Khám phá chủ đề – Mở rộng và tổng kết chủ đề – Cam kết hành động	– Thu hoạch – Phản hồi

3. Quy trình Sinh hoạt lớp

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
– Lựa chọn chủ đề và không gian sử dụng – Thiết kế kế hoạch hoạt động – Chuẩn bị phương tiện hoạt động	– Hoạt động nhận xét, tổng kết tuần – Chia sẻ cảm xúc cá nhân sau tiết trải nghiệm trước – Hoạt động nhóm – Cam kết hành động	Tiếp tục hành động để có những phản hồi tiếp theo.

II – GIỚI THIỆU MỘT SỐ KỸ THUẬT TỔ CHỨC HĐTN LỚP 2

1. Kỹ thuật hướng dẫn làm việc nhóm

- Giao nhiệm vụ trước khi lập nhóm hoặc trước khi các nhóm ngồi vào chỗ cùng nhau. Nhiệm vụ phải là một hành động cụ thể, vừa sức với HS lớp 2. Cách giao nhiệm vụ cũng phải thật rõ ràng, rành mạch. Nói về nhiệm vụ ấy thật chậm rãi, trọn vẹn và có cảm xúc (ít nhất 1 – 1,5 phút).
- Khống chế thời gian làm việc nhóm. Báo cho HS biết thời lượng của hoạt động, phân công người nhìn đồng hồ nhắc nhở. Với HS lớp 2, các em có thể chưa thành thạo việc xem đồng hồ, GV có thể giao hẹn “khi kim dài chỉ đến số...”
- Phân công cụ thể công việc và vai trò cho từng thành viên trong tổ. Với HS lớp 2, có hai vai trò quan trọng là: Người phát ngôn đồng thời là thủ lĩnh và người nhắc giờ. Còn lại là những người cùng thực hiện.
- GV nhắc nhở về thời gian trước khi hết giờ thực hiện khoảng hai phút.
- Trình bày sản phẩm:
- Cả tổ hoặc cả nhóm cùng tham gia; người phát ngôn trình bày xong, các HS còn lại có quyền bổ sung. Trong lúc một tổ trình bày sản phẩm, GV giao nhiệm vụ để các tổ khác theo dõi, không làm việc riêng. Nhiệm vụ có thể là: lắng nghe và đặt câu hỏi cho tổ bạn; lắng nghe và ghi nhớ từ khoá theo chủ đề; lắng nghe và nhận xét; lắng nghe và đoán... – Phần thưởng:
- Luôn chuẩn bị phần thưởng hoặc sticker trao cho tổ chiến thắng.

2. Kỹ thuật quản lí lớp học

Để quản lí tốt lớp học, GV nên thống nhất với HS các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc “Không ai ngồi không”: Muốn kiểm soát được lớp học, GV cần chuẩn bị đủ nhiệm vụ, hoạt động cho các tổ, nhóm. Nếu một nhóm làm việc thì nhóm khác phải

được giao nhiệm vụ lắng nghe, quan sát, theo dõi để hiểu nội dung, đặt câu hỏi phản biện hoặc giải một câu đố mà đội bạn hoặc GV đưa ra. Không một HS nào, không một nhóm, tổ nào ngồi không, kể cả khi các tổ khác thực hiện hoạt động trình bày, báo cáo.

Ví dụ 1: Trước khi tổ 1 trình bày về câu chuyện thời tiết, GV đề nghị các tổ khác lắng nghe thật kỹ để xem tổ 1 nói thiếu điều gì ở vấn đề thời tiết, tổ nào xung phong bổ sung sẽ được nhận sticker cho tổ mình.

Ví dụ 2: Tổ 1 sẽ mô tả một vật bí mật nằm trong chiếc túi đen này. Các tổ lắng nghe thật kỹ, ai đoán ra sẽ nhận được một sticker cho tổ mình.

Ví dụ 3: Trong khi một tổ trình bày, các tổ khác lắng nghe để nghĩ ra một câu hỏi thật thú vị và hóc búa. Thầy/cô sẽ tặng sticker cho câu hỏi chứ không phải câu trả lời. Phải nghe kỹ mới nghĩ ra câu hỏi “xoáy” được.

- *Nguyên tắc “Động – tĩnh xen kẽ”:* Các nhiệm vụ, hoạt động, trò chơi được thiết kế theo trình tự động – tĩnh xen kẽ, HS sẽ không bị quá tải. Việc ngồi nhiều mà không hoạt động cũng khiến HS mệt không kém gì khi chạy nhảy nhiều quá. Nếu HS ngồi nghe không còn tập trung, tỏ ra mệt mỏi, GV ngay lập tức đưa ra một trò chơi vận động, thậm chí chỉ đơn giản là đứng lên ngồi xuống để sau đó, HS có thể tiếp tục ngồi yên tĩnh thêm chút nữa.
- *Nguyên tắc “Lần lượt”:* Thỏa thuận với HS, mọi người sẽ lần lượt được phát biểu. Thỉnh thoảng, GV khen ngợi những HS biết kiên nhẫn đợi đến lượt mình. Khi gọi HS này, GV có thể nói luôn tên HS khác để chuẩn bị. Ví dụ: “Cô mời bạn An. Bạn Hương và bạn Mai chuẩn bị, sắp đến lượt các bạn nhé!”.
- *Nguyên tắc “Lắng nghe tích cực” – “Một người nói, người khác lắng nghe”:* Nguyên tắc này nên được viết chữ in hoa cỡ lớn và dán trong lớp, nơi dễ thấy nhất. Trước đó, GV cùng HS thảo luận kỹ về nguyên tắc này.
- *Nguyên tắc “Bốn cấp độ giọng nói”:* Thống nhất chia giọng nói thành bốn cấp độ. Cấp độ một là nói thì thầm, thường dùng khi hai người trao đổi thông tin, không làm phiền đến người khác. Cấp độ hai là giọng nói bình thường, đủ cho 5 - 7 người nghe được. Cấp độ ba là nói to, đủ cho cả lớp nghe được. Cấp độ bốn là hét, thét, gào. GV thống nhất với HS ngay từ đầu để khi GV giơ số ngón tay là HS lập tức hạ giọng hay lên giọng cho tương xứng. Nguyên tắc này được sử dụng thường xuyên qua các hoạt động.
- *Nguyên tắc “Thảo luận và lựa chọn”:* Luôn đưa mọi vấn đề ra để thảo luận bằng cách đặt câu hỏi, từ đó đề xuất hai hoặc ba phương án và luôn cho mình quyền lựa chọn phương án mà mình cho là hợp lý nhất. Trên thực tế, hai hoặc ba phương án đó đều nằm trong dự tính của GV, nhưng việc cho quyền lựa chọn sẽ khiến HS có được sự tự chủ, không bị áp đặt, hài lòng với lựa chọn của mình.

- Nguyên tắc “*Thoả thuận*”: Luôn có được sự đồng thuận bằng lời từ phía phần lớn HS, từ đó thoả thuận bằng văn bản (viết lên bìa, đề nghị HS tham gia vẽ và tô màu rồi treo lên một vị trí dễ nhìn thấy trong lớp). Việc được tham gia thể hiện sự đồng thuận (bầu chọn, giơ tay biểu quyết), và việc tham gia trang trí văn bản thoả thuận sẽ tạo niềm tin cho HS – đây là quyết định, thoả thuận của mình; và tạo động lực chấp hành thoả thuận do chính mình đề ra. Sự thoả thuận về một vấn đề thường sẽ được nhắc đi nhắc lại sau một thời gian nhất định, chẳng hạn, ba tháng hoặc sáu tháng một lần. Thoả thuận có thể thay đổi hoặc bổ sung.
- Nguyên tắc “*Màu cờ, sắc áo, khẩu hiệu*”: Việc nhấn mạnh sự tự hào của HS khi là thành viên của một tập thể là rất quan trọng. GV cần tạo điều kiện cho các tổ, nhóm được khẳng định giá trị của mình trong việc giữ gìn kỉ luật của lớp bằng cách thỉnh thoảng tổ chức các cuộc thi đua chớp nhoáng trong hai phút như thi tổ nào nghe thấy tiếng chuông và trở về vị trí nhanh nhất; tổ nào im lặng được trong một phút; tổ nào thay đổi giọng theo cấp độ giỏi nhất; tổ nào hô khẩu hiệu (slogan) của tổ mình to và đều nhất. GV luôn lưu ý đến các biện pháp củng cố cảm xúc tự hào về “màu cờ sắc áo”. Ví dụ, GV gọi đến tên tổ, đội thì cả đội cùng hô khẩu hiệu; cùng đứng dậy; cùng đập tay nhau; trang trí góc của tổ mình bằng hình ảnh mỗi cá nhân...
- Nguyên tắc “*Hiệu lệnh bằng âm thanh*”: Xem mục kĩ thuật sử dụng chuông. Quả chuông có thể được thay thế bằng bất kì phương án nào có thể phát ra tiếng động như dùng còi (không gian bên ngoài), vỗ tay, vỗ nhẹ vào mép bàn, dùng xắc-xô.

3. Kĩ thuật giao nhiệm vụ

- Chỉ giao nhiệm vụ khi GV tin chắc tất cả đã tập trung lắng nghe. Dùng quả chuông để yêu cầu tất cả hoàn toàn im lặng, hướng về người nói.
- Trong mỗi nhiệm vụ, bài tập, GV chỉ đưa ra duy nhất một yêu cầu hành động đối với HS.
- GV giải thích nhiệm vụ bằng ngôn ngữ đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, chậm rãi, trong đó, sử dụng một từ khoá, có thể vẽ hoặc viết từ khoá ấy lên bảng.
- GV làm mẫu, làm nháp để thị phạm.
- GV hỏi lại xem HS đã rõ chưa, khuyến khích HS nào chưa hiểu thì đặt câu hỏi để GV giải đáp cụ thể hơn.

4. Kĩ thuật phản hồi của phản hồi

Phản hồi của GV rất quan trọng đối với HS, tạo nên động lực làm việc, hoạt động của các em. Chính vì thế, các hành động, thao tác, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt của GV cần thể hiện sự sẵn sàng lắng nghe, sự tin tưởng vào khả năng của HS, khuyến khích HS nói ra bất kì ý kiến nào, có thể táo bạo nhất; không chê bai, chế giễu các ý tưởng

kì lạ hoặc các phương án chưa chính xác của HS; kích thích HS tiếp tục suy nghĩ sâu hơn về chủ đề để đưa ra các ý tưởng mới. Cụ thể là GV nên:

- Cố gắng tạo tư thế đứng, ngồi càng gần và ngang với HS càng tốt: cúi xuống, mang ghế ngồi bên cạnh nếu HS trình bày bài; ngồi xuống ghế cùng HS để theo dõi các tổ trình bày...
- Lắng nghe, không ngắt lời HS. Trong trường hợp HS nói quá dài, GV có thể chạm tay vào vai HS để bày tỏ sự chia sẻ, khích lệ và như một động tác xin phép ngắt lời, kèm một lời khen: “Câu chuyện thú vị quá. Cho thầy/cô hỏi...”
- Nhắc lại câu trả lời bằng phương án tối ưu: ngắn gọn, đủ ý. Đó cũng là cách sửa lỗi diễn đạt cho HS một cách nhẹ nhàng. Không bao giờ nói: “Em nói dài dòng quá. Em diễn đạt lại ý đi. Em nói thế này mới đúng...”
- Đưa ra những bình luận ngắn về chi tiết đáng chú ý trong chia sẻ của HS.
- Nếu phương án HS đưa ra chưa hợp lí, GV có thể nhấn mạnh: “Đây cũng là một phương án để suy nghĩ, phương án của bạn A... Cô cảm ơn bạn đã chia sẻ với cả lớp”. Nếu muốn điều chỉnh suy nghĩ của HS, GV có thể đưa ra các câu hỏi để lái tư duy của HS hướng đến câu trả lời hợp lí hơn. Nếu HS vẫn chưa tìm ra được câu trả lời đúng, GV đề nghị: “Chúng ta sẽ cùng nghĩ thêm nhé!”
- Luôn tương tác bằng mắt, chăm chú nhìn vào HS, gật đầu khuyến khích. Nếu HS nói thú vị, hợp lí, GV chọn cách bày tỏ sự khen ngợi bằng cả động tác cơ thể như giơ ngón tay cái (*Tuyệt!*); dấm vào không khí (*Trúng vấn đề!*); đập tay vào bàn tay HS (*Giỏi lắm!*); vỗ tay (*Rất hay!*)...
- Không khen ngợi kết quả mà chú trọng quá trình. Ví dụ, HS làm được một con thuyền từ rác tái chế. GV không khen con thuyền đẹp mà hỏi về ý tưởng: tại sao lại nghĩ đến việc làm con thuyền; cắt cái chai nhựa bằng cách nào; dùng chất gì để dán cánh bướm; liệu có thể thả chiếc thuyền vào nước không hay chỉ trưng bày thôi... GV nên bày tỏ sự khâm phục về ý tưởng, cách làm chứ không khen chung chung là giỏi quá, hay quá, đẹp quá,...
- Không so sánh HS này với HS kia, sản phẩm này với sản phẩm kia.
- Sau khi khen ngợi một HS hoặc một tổ, GV hướng đến các HS khác, các tổ khác, bày tỏ sự tin tưởng là các bạn khác, tập thể khác cũng có những ý tưởng bất ngờ và những điều thú vị của riêng mình.

5. Một số lưu ý đối với GV khi tiến hành tổ chức HĐTN lớp 2

- a) **HS còn bỡ ngỡ** với môi trường học tập mới, thể chất còn non nớt và kĩ năng học tập trên lớp chưa hình thành rõ nét, kĩ năng tương tác với thầy cô và các bạn còn yếu, vì thế GV phải tập trung hỗ trợ rèn luyện kĩ năng trước khi khai thác chủ đề.

b) Thời lượng sinh hoạt mỗi tiết HĐTN chỉ có 35 phút, HS còn chậm nên GV sẽ mất nhiều thời gian hơn cho công tác tổ chức hoạt động và kiểm soát lớp. GV cần lưu ý điều này khi lựa chọn các hoạt động mở rộng.

c) GV cần tận dụng nhiều kỹ thuật truyền đạt khác nhau để khai thác chủ đề, trong đó chú trọng hoạt động vẽ và các hoạt động sử dụng đến ngôn ngữ cơ thể.

d) Trong một buổi HĐTN, nên thiết kế xen kẽ các hoạt động cho cá nhân, cặp đôi, nhóm và hoạt động chung cả lớp.

– *Các hoạt động cá nhân* thường được thực hiện cùng một lúc. Khi báo cáo kết quả, mỗi HS đều được trình bày sản phẩm, hoặc dán sản phẩm lên bảng chung, lên tờ giấy A0 của cả tổ để trưng bày – có nghĩa là cá nhân nào cũng được báo cáo chứ không chỉ lựa chọn một vài HS trả lời.

– *Các hoạt động thực hiện theo cặp đôi* thường diễn ra trong thời gian ngắn, dưới ba phút. Hoạt động này không nhất thiết phải báo cáo chung. GV lưu ý quan sát, nhắc nhở để đôi nào cũng làm việc, chia sẻ, đổi vai cho nhau... Hoạt động này thường được sử dụng trong phần chia sẻ cảm xúc sau hành động ở loại hình SHL.

– *Các hoạt động làm việc nhóm* chỉ thực hiện khi HS đã được giới thiệu và bước đầu rèn luyện kỹ thuật làm việc nhóm. Các bài tập thường là những nhiệm vụ có tính chất sáng tạo, cần sự bàn bạc phát hiện hoặc lên kế hoạch chung của từng tổ, nhóm. Có thể giao mỗi nhóm, mỗi tổ một nhiệm vụ khác nhau và khi trình bày thì một nhóm nói, những nhóm khác lắng nghe và đưa ra câu trả lời cho nhiệm vụ được giao trước đó

– *Các hoạt động làm việc chung cả lớp* thường là hoạt động tổng kết: cùng hát, cùng nhảy múa, trò chơi chung, tạo cảm xúc tươi vui, gắn kết các thành viên trong lớp học.

e) Một số tình huống sư phạm khó thường gặp trong quá trình tổ chức HĐTN cho HS lớp 2

– *Tình huống 1:* HS không thể thống nhất được với nhau khi hoạt động nhóm. HS không phân công được công việc, xảy ra cãi nhau, không hài lòng, không đồng tình với nhóm trưởng. Với tình huống này, GV phải ngay lập tức đến hỗ trợ. GV ngồi xuống cùng với HS, đề nghị các thành viên trong nhóm giải thích lại tình huống mâu thuẫn. Sau khi đã thống nhất được mọi việc, GV cần trao quyền lại cho nhóm trưởng (thủ lĩnh, người phát ngôn) bằng cách hỏi ý kiến nhóm trưởng (Như vậy em thấy có được không?), bày tỏ sự tôn trọng nhóm trưởng, khen ngợi các thành viên trong nhóm đã hỗ trợ nhóm trưởng, khen ngợi tinh thần đoàn kết của nhóm bằng cách đập tay, hô to khẩu hiệu của nhóm hoặc tên nhóm.

– *Tình huống 2:* Trong tập thể lớp có một HS đặc biệt (phát triển đặc biệt hoặc tính cách chưa thể hoà đồng với các bạn do cho rằng mình giỏi hơn, đúng hơn). Em HS này kiên

quyết từ chối tham gia hoạt động chung với tổ, nhóm. Với tình huống này, GV không nhất thiết ép HS tham gia bằng được. GV đến gần, mời HS ngồi vào cùng mình với nhóm, lắng nghe các nhiệm vụ đang được phân công, và đề nghị HS đặc biệt đó thực hiện một “nhiệm vụ đặc biệt” do GV giao cho. Nhiệm vụ đó có thể là hoạt động cá nhân hoàn toàn khác với các bạn (tô màu bức tranh; chọn lựa đồ dùng,...), nhưng cũng có nội dung liên quan. Đôi khi, nhiệm vụ lại có thể là đứng làm trọng tài cho nhóm, và trong quá trình đó, HS tham gia lúc nào không biết. Chìa khoá ở đây là sự có mặt của GV, bày tỏ tin tưởng vào năng lực của HS, cho HS một “lối thoát” và cũng là cơ hội để tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động nhóm.

- *Tình huống 3:* Gia đình không đồng ý cho HS tiến hành các trải nghiệm ở nhà, cho rằng phiền phức, hoặc thậm chí, mất vệ sinh, mất thời gian..., GV có thể trực tiếp liên lạc thuyết phục gia đình, nhưng cũng có thể gián tiếp thuyết phục bằng cách gửi thư cảm ơn trước các gia đình sẽ cho phép HS tham gia các thí nghiệm, trải nghiệm ở nhà, nhấn mạnh tầm quan trọng của các hoạt động này.
- *Tình huống 4:* HS muốn làm hài lòng GV nên đã ghi các số liệu không đúng sự thật hoặc nộp những sản phẩm không phải mình tự tay làm. Với trường hợp này, cho dù biết được sự thật, GV cũng không nên “làm bẽ mặt” HS trước lớp. GV chỉ cần trò chuyện chung với cả lớp, lưu ý HS về tầm quan trọng của các số liệu thật, đồng thời cũng đề cao sự cố gắng của HS khi thực hiện các tình huống trải nghiệm hoặc thí nghiệm này, ví HS như một nhà nghiên cứu khoa học đang đi thu thập dữ liệu thực tế. Và một điều quan trọng: không khen bất kì HS nào về số liệu đẹp mà chỉ khen về việc đã thực hiện hành động, không khen sản phẩm đẹp (kết quả) mà khen vì đã làm (quá trình); hỏi han kĩ lưỡng cảm xúc, khó khăn gặp phải khi thực hiện hành động hoặc làm sản phẩm đó, bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng, lo lắng, đồng cảm của mình với lời kể về quá trình thực hiện hành động. Với cách ứng xử như thế, HS sẽ nhận được thông điệp tích cực về việc tự mình hành động, tự mình làm ra sản phẩm...
- *Tình huống 5:* Trong nhóm các thành viên có trình độ tư duy và thể lực không đồng đều nên trong các hoạt động nhóm, HS thường chọn bạn giỏi, năng động làm thủ lĩnh, không để ý đến ý kiến các bạn yếu hơn. Với trường hợp này, GV cần chủ động hỗ trợ nhóm bằng cách trò chuyện riêng với những HS được cho là giỏi hơn, đề nghị các HS đó hỗ trợ các HS ít nói, còn nhút nhát, cổ vũ các bạn phát biểu. Khi GV đã “có lời” trước như vậy, thường các HS có tính cách thủ lĩnh sẽ tỏ ra hợp tác, kiên nhẫn và muốn được hỗ trợ các bạn, coi đó là nhiệm vụ của mình. Đôi khi GV phân công những HS đó làm người phát ngôn, thủ lĩnh của nhóm trong những chủ đề mà GV biết chắc vừa sức với các em. Chỉ một lần vượt qua thử thách, HS sẽ có thêm tự tin để mạnh dạn thể hiện mình.

- *Tình huống 6*: Có HS bày tỏ thái độ phản biện, không đồng tình với phương án của GV không phải vì không biết đúng sai mà vì bướng bỉnh, hoặc thậm chí, trêu chọc GV. Với trường hợp như vậy, GV không để mất kiểm soát cảm xúc, càng bình tĩnh HS càng “ngại”, và tìm cách đưa ra các thông điệp khiến HS tâm phục khẩu phục. Lưu ý, luôn để một đường lùi cho HS.

g) Các nguyên tắc sư phạm của GV khi đối mặt với những tình huống khó

- *Bình tĩnh, lạc quan sư phạm*: Trong các tình huống sư phạm, sự bình tĩnh, lạc quan sư phạm, tự tin vào mình và tin tưởng vào các HS của mình là điều quan trọng nhất, là chìa khóa giải quyết mọi vấn đề. Muốn có được sự “bình tĩnh, lạc quan” này, GV luôn tâm niệm: Bất kì điều gì cũng có thể xảy ra. Việc trẻ bất hợp tác, phản ứng tiêu cực, mệt mỏi, khó chịu luôn là những điều bình thường, không phải là tình huống lệch chuẩn.
- *Kiên nhẫn*: GV cần nhận thức rõ mình đang trong quá trình hỗ trợ HS rèn luyện kĩ năng và hình thành phẩm chất, sẽ có đủ kiên nhẫn để giải thích, phân tích và thảo luận với HS về vấn đề khúc mắc.
- *Công bằng*: HS tiểu học và HS nói chung thường rất nhạy cảm với sự công bằng khi GV giải quyết các vấn đề mâu thuẫn trong tập thể, vì thế, thầy GV luôn giữ vị thế “đứng giữa, trung lập” của mình để lắng nghe HS.
- *Tình cảm hoặc hài hước*: GV lái mọi việc theo cảm xúc của trẻ, hoặc là tha thiết, tình cảm (ôm vai, bắt tay, cụng đầu), hoặc là vui đùa dí dỏm để hóa giải mọi sự căng thẳng đang có.

h) Phương pháp, kĩ năng chung để GV giải quyết các vấn đề nảy sinh là:

- Lắng nghe, không ngắt lời; mời lần lượt từng HS trình bày;
- Đưa ra câu hỏi thảo luận để tìm đến chân lí;
- Phân tích mọi việc một cách logic để cùng đưa ra kết luận;
- Không phê phán, không phán xét, không tạo áp lực căng thẳng cho cá nhân HS, luôn tìm “lối thoát, đường lùi” cho HS, bảo toàn danh dự cho HS trước mặt các bạn;
- Dùng kĩ thuật “*lựa chọn*” và “*thoả thuận*” (đã trình bày ở phần trên): Cùng HS liệt kê các đầu mục; cho phép HS lựa chọn và đưa vào thoả thuận bằng văn bản – viết hoặc vẽ ra.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Thiết kế sách: ĐINH THUYỀN LINH

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Chế bản: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2

(BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

Mã số:

Inbản, (QĐ) khổ 19 x 26.5cm

Đơn vị in: địa chỉ

Số QĐXB:/CXBIPH//GD

Số ĐKXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...